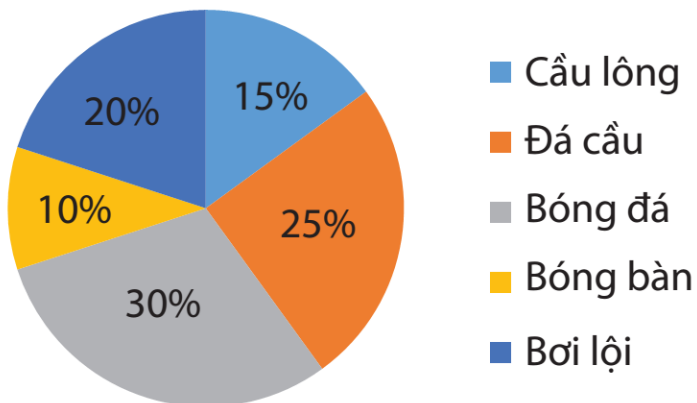


♠ TỔ TOÁN ♠

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1 TOÁN 7 NĂM HỌC 2022-2023

Tỉ lệ phần trăm học sinh tham gia
các môn thể thao của khối 7



Họ và tên

HS:.....

Lớp:.....

LƯU HÀNH NỘI BỘ

ĐỀ 1. TRƯỜNG THCS ĐẶNG THỨC VỊNH

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm):

Câu 1. Căn bậc hai số học của 7 là :

- A. 14 B. $\sqrt{7}$ C. 49 D. -7

Câu 2. Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. $1\frac{2}{5}$ B. -5 C. 0 D. $\sqrt{11}$

Câu 3. Cho $|x| = 25$ thì giá trị của x là :

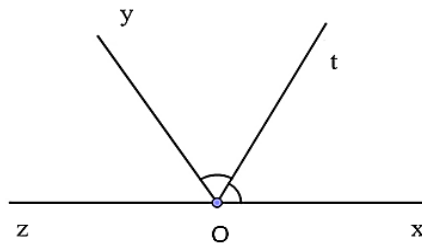
- A. $x = 5$ B. $x = 25$ hoặc $x = -25$ C. $x = -5$ D. $x = 5$ hoặc $x = -5$

Câu 4. Số nào sau đây là số thập phân vô hạn tuần hoàn:

- A. 2,5 B. 9,85 C. 0,1212121212... D. 4,12310562562...

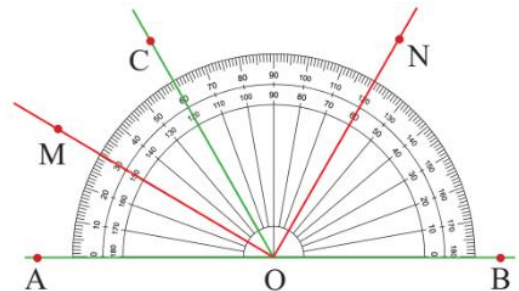
Câu 5. Góc kề bù với xOt là:

- A. yOt B. yOz
C. xOy D. tOz



Câu 6. Tia nào sau đây là tia phân giác của AOC

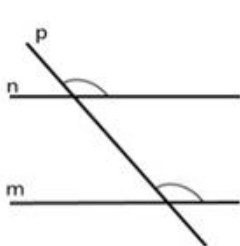
- A. Tia OM B. Tia OC
C. Tia ON D. Tia OB



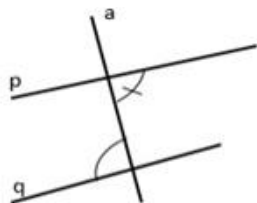
Câu 7. Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng...

- A. song song với nhau B. vuông góc với nhau C. trùng nhau D. cắt nhau

Câu 8. Hình vẽ nào sau đây **không** có hai đường thẳng song song?



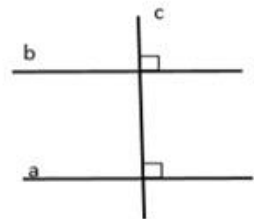
Hình 1



Hình 2



Hình 3

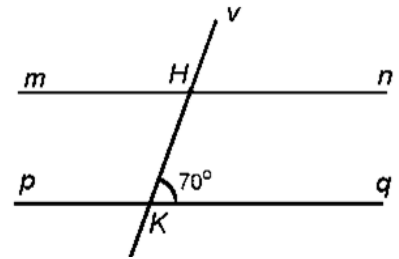


Hình 4

- A. hình 1. B. hình 2. C. hình 3. D. hình 4.

Câu 9. Cho hình vẽ bên, biết $mn \parallel pq$. Số đo $\angle Hn$ là:

- A. 150° . B. 50° . C. 70° D. 130° .

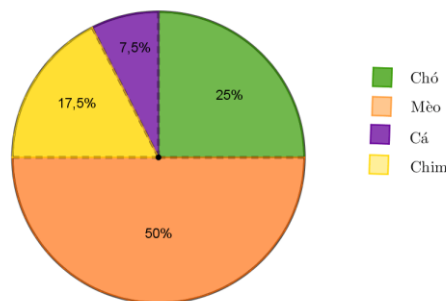


Câu 10. Khẳng định nào sau đây là **sai**:

- A. Chứng minh định lí là một tiến trình lập luận để từ kết luận dẫn ra giả thiết là đúng.
 B. Định lí thường được phát biểu ở dạng “Nếu ... thì ...”
 C. Phần nằm giữa từ “Nếu” và từ “thì” là phần giả thiết, phần nằm sau từ “thì” là phần kết luận.
 D. Chứng minh định lí là dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận là đúng.

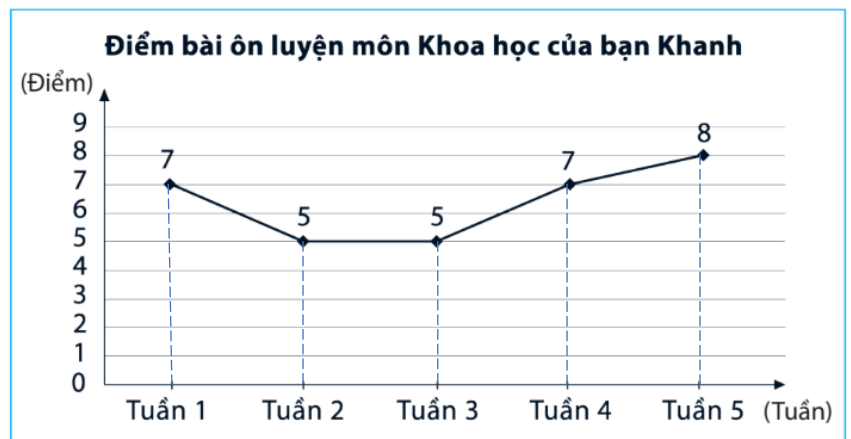
Câu 11. Theo số liệu biểu đồ bên dưới thì loài vật nuôi được yêu thích chiếm tỉ lệ cao nhất là:

Tỉ lệ các loài vật nuôi được yêu thích



- A. Cá B. Chó C. Mèo D. Chim

Câu 12. Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn điểm bài ôn luyện môn Khoa học của bạn Khanh qua các tuần 1, tuần 2, tuần 3, tuần 4, tuần 5. Hãy cho biết điểm 7 bạn Khanh đạt được vào tuần nào?



- A. Tuần 1 và tuần 2 B. Tuần 1 và tuần 4
 C. Tuần 2 và tuần 4 D. Tuần 2 và tuần 5

Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):

Bài 1. (0,5 điểm) [NB - TL1] Tìm số đối của các số thực sau : $-\frac{5}{6}$; $\sqrt{99}$

Bài 2. (0,5 điểm) [NB - TL2] Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.”

Bài 3. (0,75 điểm) [TH - TL3] Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{5}{3}\right)^3 \cdot \left(\frac{5}{3}\right)$; b) $(0,25)^8 : (0,25)^4$; c) $\left[\left(-\frac{1}{2}\right)^4\right]^2$

Bài 4. (0,75 điểm) [TH - TL4] Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)

a) $\sqrt{12}$

b) $\sqrt{80}$

c) $\sqrt{2021}$

Bài 5. (1,0 điểm) [VD – TL5]

a) Tính: $\frac{-3}{11} \cdot \frac{3}{13} - \frac{-3}{11} : \frac{13}{10}$;

b) Tìm x, biết: $\frac{3}{7}x - \frac{5}{3} = \frac{1}{2}$

Bài 6. (0,5 điểm) [VD – TL6] Làm tròn số 634755 với độ chính xác 70.

Bài 7. (0,75 điểm) [TH – TL7] Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Lớp	Sĩ Số	Số Học Sinh Tham Gia Ngoại Khóa
7A1	39	42
7A2	42	10
7A3	45	15
7A4	43	26
TỔNG	169	60

Bảng 1.

Kết quả kiểm tra thường xuyên Toán đợt 1	Tỉ lệ phần trăm
Từ 8 trở lên	45%
Từ 6,5 tới 7,9	110%
Từ 5,0 tới 6,4	35%
Từ 3,5 tới 4,9	10%
Dưới 3,5	200%

Bảng 2.

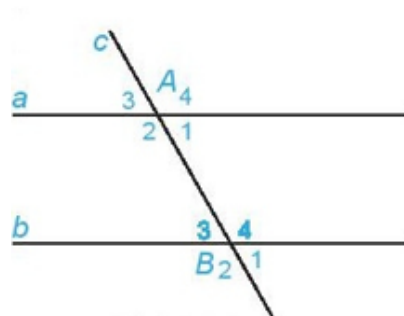
Bài 8. (0,5 điểm) [VD – TL8] Kết quả tìm hiểu về khả năng bơi lội của các học sinh lớp 7C được cho bởi bảng thống kê sau:

Khả năng bơi	Chưa biết bơi	Biết bơi	Bơi giỏi
Số bạn nam	5	8	4

- a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
b) Dữ liệu trên có đại diện cho khả năng bơi lội của các bạn học sinh lớp 7C hay không?

Bài 9. (0,75 điểm) [TH – TL9]

Quan sát hình vẽ bên, biết $A_1 = 60^\circ$; $B_3 = 60^\circ$. Giải thích vì sao $a \parallel b$.



Bài 10.(1,0 điểm) [VDC - TL10] Tổng lượng khí nhà kính đến từ các hoạt động và lĩnh vực kinh doanh ở Singapore vào năm 2020 là (khoảng) 77.2 triệu tấn khí carbonic tương đương. Biểu đồ hình quạt tròn ở Hình 30 biểu diễn lượng phát thải khí nhà kính ở từng lĩnh vực của Singapore vào năm 2020 (tính theo tỉ số phần trăm).



a) Tính lượng khí nhà kính được tạo ra ở từng hoạt động và lĩnh vực của Singapore vào năm 2020.

b) Hoàn thành số liệu ở bảng sau:

Hoạt động, lĩnh vực	Công nghiệp	Xây dựng	Vận tải	Hộ gia đình	Hoạt động và các lĩnh vực khác
Lượng khí nhà kính (triệu tấn)	?	?	?	?	?

..... Hết

ĐỀ 2. TRƯỜNG THCS ĐẶNG CÔNG BÌNH

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm):

Câu 1. Căn bậc hai số học của 121 là :

- A. 11 B. -11 C. 121 D. -121

Câu 2. Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- B. $\sqrt{4}$ B. $-\sqrt{4}$ C. $\sqrt{5}$ D. 9

Câu 3. Cho $|x| = 4$ thì giá trị của x là :

- B. $x = 2$ B. $x = -2$ C. $x = 2$ hoặc $x = -2$ D. $x = 4$ hoặc $x = -4$

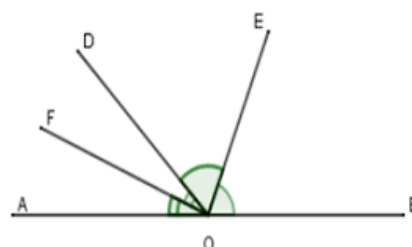
Câu 4. Số nào sau đây là số thập phân vô hạn không tuần hoàn:

- A. 0,14 B. 0,1569014... C. 1,285285285 D. 0,3(3)

Câu 5.

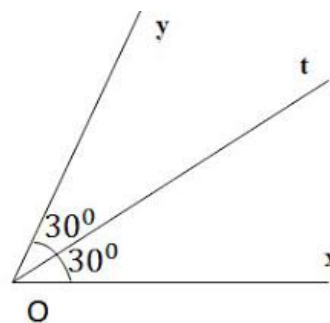
Góc kề bù với góc EOB là:

- A. Góc DOE B. Góc FOD.
C. Góc AOF. D. Góc AOE.



Câu 6. Chọn câu khẳng định SAI trong các câu sau

- A. Ot là tia phân giác của góc xOy.
- B. Tia Ot nằm giữa hai tia Ox và Oy.
- C. Góc xOt kề bù với góc tOy .
- D. Góc xOt kề với góc tOy.

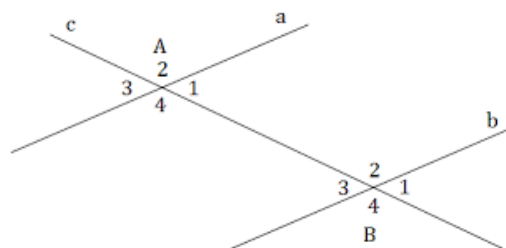


Câu 7. Qua điểm M nằm ngoài đường thẳng d đường thẳng song song với đường thẳng a. Hãy điền vào chỗ “....” để được khẳng định đúng.

- A. có duy nhất một . B. có nhiều. C. không có. D. có vô số.

Câu 8. Nếu Góc A_4 =góc B_1 thì câu khẳng định nào sau đây đúng:

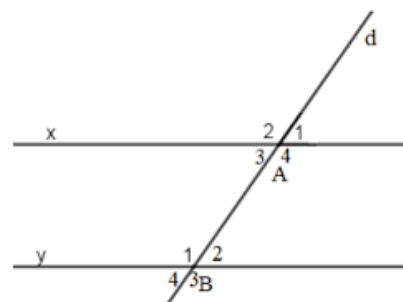
- A. $a \perp b$. B. $a \parallel b$.
- C. a cắt b. D. Cả A,B,C đều sai.



Câu 9.

Cho hình vẽ bên, biết $x \parallel y$. Góc đồng vị với góc A_4 là:

- A. A_1 . B. A_2 . C. B_1 D. B_3 .

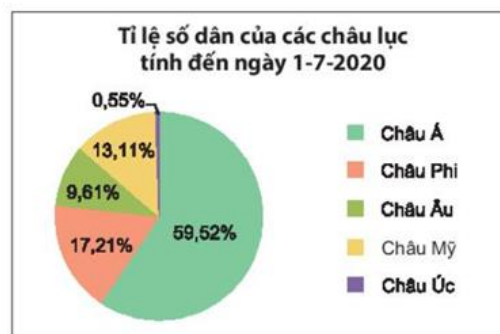


Câu 10. Khẳng định nào sau đây là SAI:

- A. Định lí phải được suy ra từ đo hình trực tiếp, vẽ hình hoặc gấp hình
- B. Định lí thường được phát biểu ở dạng “Nếu ... thì ...”.
- C. Định lí gồm hai phần giả thiết và kết luận. Điều đã cho là giả thiết, điều phải suy ra là kết luận.
- D. Định lí là một khẳng định được suy ra từ những khẳng định được coi là đúng.

Câu 11: Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) Tỉ lệ số dân của các châu lục tính đến ngày 1-7-2020. Hỏi dân số ở Châu Âu và Châu Mỹ chiếm bao nhiêu phần trăm dân số thế giới?

- A. 13,11% B. 17,21% C. 26,82% D. 22,72%

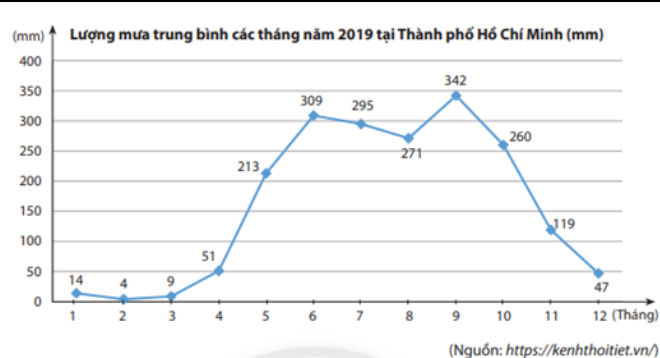


Hình 5.18. (Theo Báo cáo dân số năm 2020 của Liên Hợp Quốc)

Câu 12:

Biểu đồ biểu diễn lượng mưa trung bình các tháng năm 2019 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng có lượng mưa cao nhất là

A. 6 B. 8 C. 9 D. 12

**Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):**

Bài 1. (0,5 điểm) Tìm số đối của các số thực sau : 0,123 ; $-\sqrt{109}$

Bài 2. (0,5 điểm) Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc đồng vị bằng nhau.”

Bài 3. (0,75 điểm) Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{5}{3}\right)^6 \cdot \left(\frac{25}{9}\right)^3$; b) $(2,6)^7 : (-2,6)^4$; c) $[-3^2]^4$

Bài 4. (0,75 điểm) Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến hàng phần chục)

a) $\sqrt{2}$

b) $\sqrt{11}$

c) $\sqrt{20}$

Bài 5. (1,0 điểm)

a) Tính: $\frac{2}{7} \cdot \frac{-2}{11} + \frac{2}{7} : \frac{-11}{9}$; b) Tìm x, biết: $\frac{-1}{3} + \frac{7}{8} : x = \frac{1}{3}$

Bài 6. (0,5 điểm) Làm tròn số $\sqrt{3}$ với độ chính xác d=0,03.

Bài 7. (0,75 điểm) Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Bảng 1.

Lớp	Sĩ số	Số Học sinh học phụ đạo môn Toán
7A1	37	40
7A2	36	15
7A3	37	6
7A4	40	1

Bảng 2.

Đội bóng	Tỉ lệ cầu thủ ngoại ra sân nhiều nhất
Man United	63.3%
Liverpool	64.5%
Tottenham	165.8%
Man City	77.4%
Chelsea	80.1%
Arsenal	83.9%

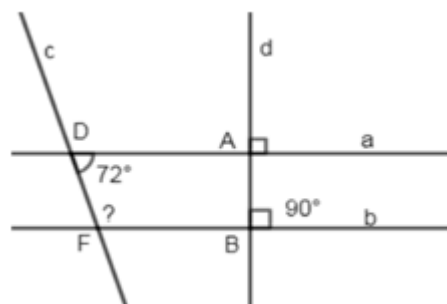
Bài 8. (0,5 điểm) Kết quả tìm hiểu về khả năng bơi lội của các học sinh nam lớp 7/1 sau 6 tuần học bơi được cho bởi bảng thống kê sau:

Khả năng bơi lội	Chưa Đạt	Đạt	Giỏi
Số HS tự đánh giá	5	11	6

- Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
- Dữ liệu trên có đại diện cho bơi lội của các bạn học sinh lớp 7/1 hay không? Vì sao?

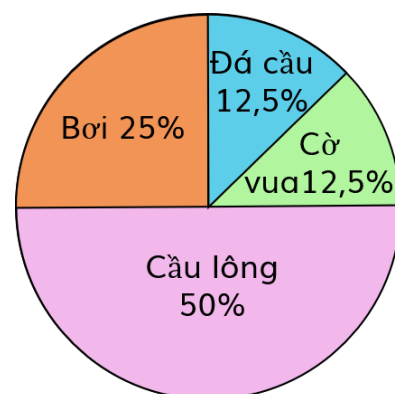
Bài 9. (0,75 điểm)

Cho hình vẽ sau, hãy tính số đo của góc DFB



Bài 10. (1,0 điểm)

Biểu đồ hình quạt dưới đây cho biết tỉ lệ số phần trăm học sinh khối 7 trường THCS Đặng Công Bình tham gia học các môn thể thao của câu lạc bộ thể thao cuối tuần. Biết khối 7 có 160 học sinh tham gia các câu lạc bộ.



- Hỏi có bao nhiêu học sinh khối 7 tham gia học môn Cờ vua?
- Số học sinh nữ học môn cờ vua chiếm 25% tổng số học sinh khối 7 học cờ vua. Tính số học sinh nữ khối 7 tham gia học môn cờ vua?

..... Hết

ĐỀ 3. TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BỬA

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm):

Câu 1. [NB - TN1] Căn bậc hai số học của 144 là :

- A. 72 B. -12 C. 12 D. 144

Câu 2. [NB - TN2] Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. 0 B. $\sqrt{4}$ C. -3,5 D. $\sqrt{13}$

Câu 3. [NB - TN3] Cho $|x| = 4,5$ thì giá trị của x là :

- A. $x = 4,5$ hoặc $x = -4,5$ B. $x = 4,5$ C. $|x| = 4,5$ hoặc $|x| = -4,5$ D. $x = -4,5$

Câu 4. [NB - TN4] Số nào sau đây là số thập phân vô hạn không tuần hoàn:

A. $\frac{5}{6}$

B. $\sqrt{9}$

C. 0,14125873...

D. 1,23(423)

Câu 5. [NB - TN5]

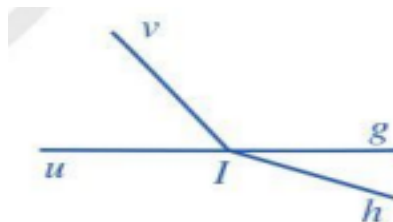
Góc kề bù với góc u_lh là:

A. Góc u_lv

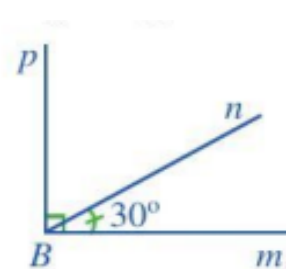
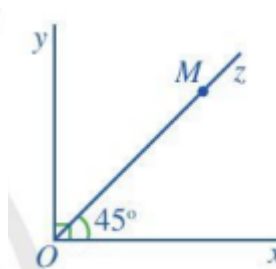
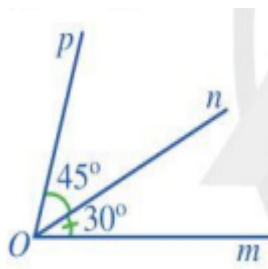
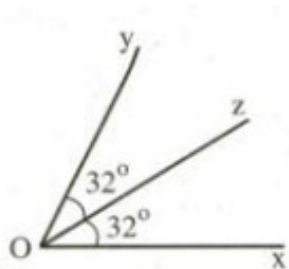
B. Góc v_lg

C. Góc g_lh

D. Góc h_lu



Câu 6. [NB – TN6]



Trong các hình vẽ trên:

A. Oz là tia phân giác của góc xOy.

B. On là tia phân giác của góc pOm.

C. OM là tia phân giác của góc xOy.

D. Hai câu A và C đều đúng.

Câu 7. [NB – TN7] Qua điểm A nằm ngoài đường thẳng d đường thẳng song song với đường thẳng d. Hãy điền vào chỗ “....” để được khẳng định đúng.

A. Chỉ có ba.

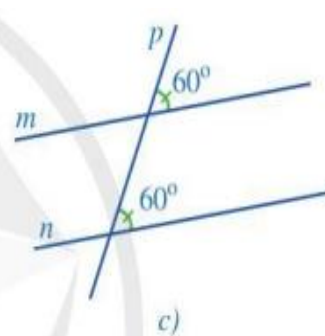
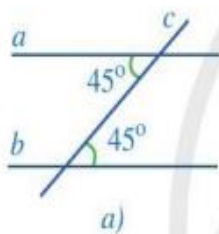
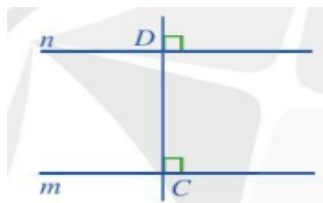
B. Chỉ có một.

C. Có rất nhiều.

D. Không có.

Câu 8. [NB – TN8]

Hình vẽ nào sau đây **không** có hai đường thẳng song song?



A. hình 1.

B. hình 2.

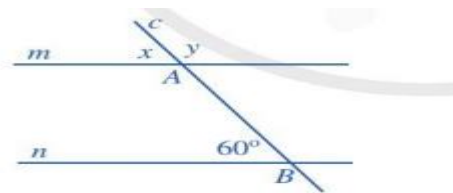
C. hình 3.

D. hình 4.

Câu 9. [NB – TN9]

Cho hình vẽ bên, biết $m \parallel n$. Số đo x và y lần lượt là:

- A. 120° và 60° B. 60° và 60°
C. 60° và 120° D. 120° và 120°

**Câu 10.** [TH – TN10] Khẳng định nào sau đây là sai:

- A. Một tính chất được khẳng định là đúng bằng suy luận được gọi là định lí
B. Phần nằm giữa từ “Nếu” và từ “thì” là phần kết luận, phần nằm sau từ “thì” là phần giả thiết.
C. Định lí thường phát biểu dưới dạng: ” Nếu A thì B” với A là giả thiết, là điều kiện cho biết, B là kết luận, là điều được suy ra.
D. Định lí thường được phát biểu ở dạng “Nếu ... thì ...”

Câu 11. [TH - TN11]

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) xếp loại học lực của học sinh khối 7 ở trường A.

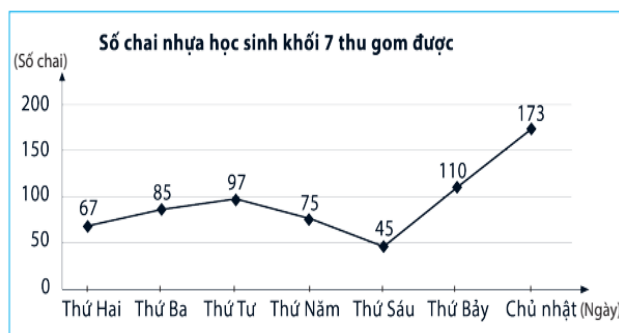
Hỏi số học sinh từ đạt trở lên chiếm bao nhiêu phần trăm?

- A. 20% B. 80% C. 45% D. 55%

**Câu 12.** [TH – TN12]

Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn số chai nhựa học sinh khối 7 thu gom được trong tuần. Hãy cho biết số chai nhựa thu gom được vào thứ 7 là:

- A. 97 B. 85 C. 173 D. 110

**Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):**

Bài 1. (0,5 điểm) [NB - TL1] Tìm số đối của các số thực sau : $-2, 13 ; \sqrt{2}$

Bài 2. (0,5 điểm) [NB - TL2] Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.”

Bài 3. (0,75 điểm) [TH - TL3] Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $(\sqrt{10})^4 \cdot (\sqrt{10})^2$; b) $(-1,2)^{10} : (-1,2)$; c) $\left[\left(\frac{7}{2}\right)^2\right]^3$

Bài 4. (0,75 điểm) [TH - TL4] Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (*làm tròn đến 3 chữ số thập phân*)

a) $\sqrt{103}$ b) $\sqrt{12}$ c) $\sqrt{2022}$

Bài 5. (1,0 điểm) [VD - TL7]

a) Tính: $1,5 \cdot \frac{-5}{13} - \frac{8}{13} : \frac{2}{3}$; b) Tìm x, biết: $\frac{3}{2} + 2,5 \cdot x = -\frac{7}{4}$

Bài 6. (0,5 điểm) [VD - TL8] Làm tròn số 176,264 với độ chính xác 60.

Bài 7. (0,75 điểm) [TH - TL6] Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong bảng thống kê sau:

Tỉ số phần trăm các loại sách trong tủ sách của lớp 7B	
Loại sách	Tỉ số phần trăm
Sách tiểu sử danh nhân	20%
Sách truyện tranh	118%
Tham khảo	30%
Sách dạy kĩ năng sống	12%
Các loại sách khác	20%
Tổng	200%

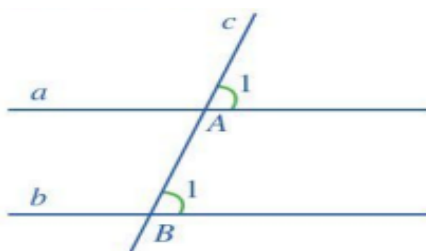
Bài 8. (0,5 điểm) [VD - TL9] Kết quả tìm hiểu về sở thích chơi bóng đá của các học sinh nam lớp 7B được cho bởi bảng thống kê sau:

Sở thích	Không thích	Không quan tâm	Thích	Rất thích
Số bạn nam	2	3	10	5

- a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
b) Dữ liệu trên có đại diện cho sở thích chơi bóng đá của các học sinh nam lớp 7B hay không?
Vì sao?

Bài 9. (0,75 điểm) [TH - TL5]

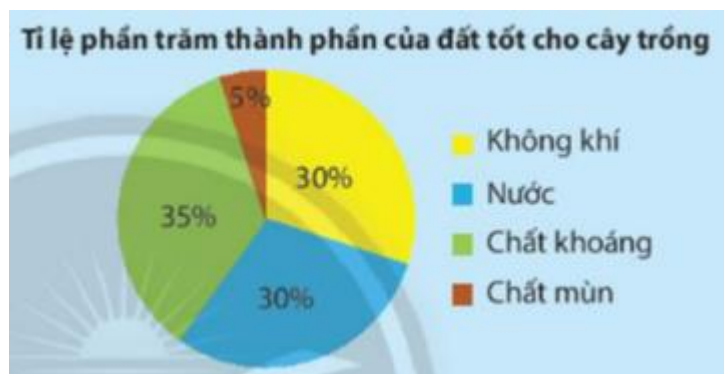
Quan sát hình vẽ bên, biết $\widehat{A_1} = 52^\circ$ và $\widehat{B_1} = 52^\circ$. Giải thích vì sao đường thẳng a song song với đường thẳng b.



Bài 10. (1,0 điểm) [VDC - TL10]

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn thành phần của đất tốt cho cây trồng.

- a) Tính khối lượng chất khoáng và chất mùn có trong 50kg đất?
- b) Cho biết trong đất có những thành phần nào? Tại sao chất mùn chiếm tỉ lệ thấp nhưng lại đóng vai trò quan trọng cho cây trồng?



..... Hết

ĐỀ 4. TRƯỜNG THCS TAM ĐÔNG 1

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm):

Câu 1. [NB - TN1] Căn bậc hai số học của 25 là :

- A. 15 B. -5 C. 5 D. -15

Câu 2. [NB - TN2] Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. 3,1(23) B. $\sqrt{3}$ C. 0 D. 2,6

Câu 3. [NB - TN3] Cho $|x| = 10$ thì giá trị của x là :

- A. $x = 10$ B. $x = -10$ C. $x = 10$ hoặc $x = -10$ D. $x = 5$ hoặc $x = -5$

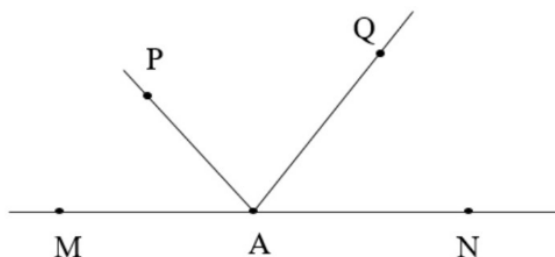
Câu 4. [NB - TN4] Số nào sau đây là số thập phân vô hạn không tuần hoàn:

- A. 0,7 B. 0,789 C. 5,565656... D. 1,4567238901...

Câu 5. [NB - TN5]

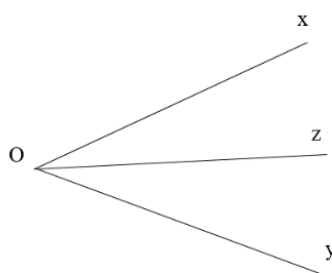
Góc kề bù với góc MAP là:

- A. Góc PAQ B. Góc QAN.
C. Góc MAQ. D. Góc PAN.



Câu 6. Cho hình vẽ sau. Nếu Oz là tia phân giác của xÔy thì:

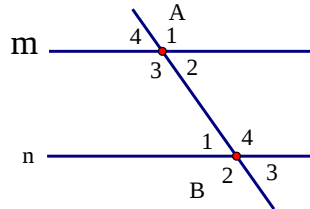
- A. $x\hat{O}z = z\hat{O}y = x\hat{O}y$
B. $x\hat{O}z = x\hat{O}y : 2$
C. $x\hat{O}z = x\hat{O}y : 4$
D. $x\hat{O}z = z\hat{O}y = 2.x\hat{O}y$



Câu 7:[NB – TN7] Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc đường thẳng thứ ba thì chúng, với nhau. Hãy điền vào chỗ “...” để được khẳng định đúng.

A.song song. B.cắt . C.vuông góc.

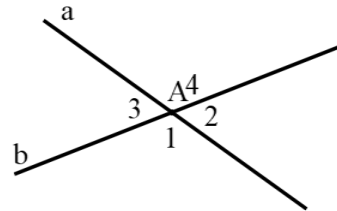
Câu 8[NB – TN8] : Xem hình bên, biết $m \parallel n$, chọn đáp án đúng:



A. $\widehat{A_4} = \widehat{B_4}$ B. $\widehat{A_1} + \widehat{B_4} = 180^\circ$ C. $\widehat{A_2} + \widehat{B_2} = 180^\circ$ D. $\widehat{A_2} + \widehat{B_4} = 180^\circ$.

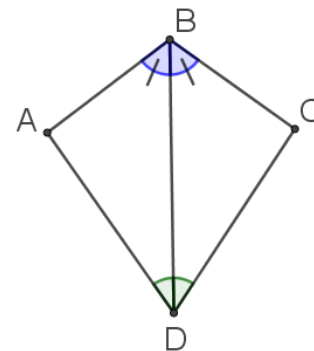
Câu 9 [NB – TN9] : Cho hình vẽ, biết $\widehat{A_2} = 68^\circ$. Tính số đo $\widehat{A_3}$

A. $\widehat{A_3} = 112^\circ$ B. $\widehat{A_3} = 68^\circ$
C. $\widehat{A_3} = 34^\circ$ D. $\widehat{A_3} = 86^\circ$



Câu 10 [TH – TN10] . Trong hình vẽ bên, tia phân giác của góc ABC là:

A. Tia DB. B. Tia BD.
C. Tia AD. D. Tia DC.



Câu 11: Quan sát hình vẽ. Cho biết tỉ lệ phần trăm học sinh tham gia bơi lội của khối 7

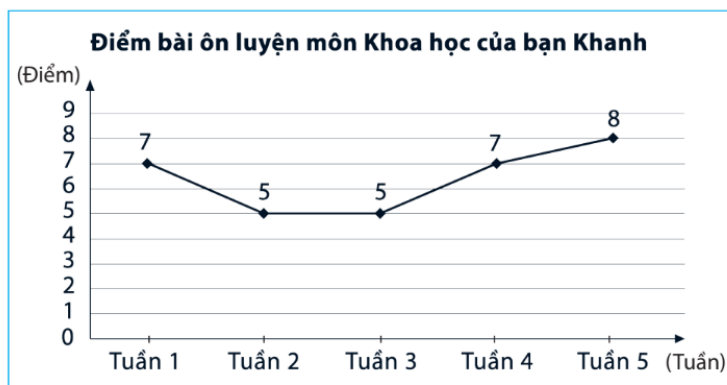


A. 10%. B. 20%. C. 25% . D. 30%.

Câu 12[TH – TN12]

Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn điểm bài ôn luyện môn Khoa học của bạn Khanh qua các tuần 1, tuần 2, tuần 3, tuần 4, tuần 5. Hãy cho biết điểm 7 bạn Khanh đạt được vào tuần nào?

- A. Tuần 1 và tuần 2
B. Tuần 1 và tuần 4
C. Tuần 2 và tuần 4
D. Tuần 2 và tuần 5

**Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):**

Bài 1. (0,5 điểm) [NB - TL1] Tìm số đối của các số thực sau : $-\frac{8}{9}$; $\sqrt{2023}$

Bài 2. (0,5 điểm) [NB - TL2] Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.”

Bài 3. (0,75 điểm) [TH - TL3] Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{5}{6}\right)^4 \cdot \left(\frac{5}{6}\right)^3$ b) $(-7,4)^5 : (-7,4)^3$ c) $\left[\left(-\frac{5}{7}\right)^2\right]^5$

Bài 4. (0,75 điểm) [TH - TL4] Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (*làm tròn đến 2 chữ số thập phân*)

a) $\sqrt{2}$ b) $\sqrt{123}$ c) $\sqrt{2000}$

Bài 5. (1,0 điểm) [VD - TL7]

a) Tính: $\frac{-7}{4} : \frac{13}{5} - \frac{7}{4} \cdot \frac{8}{13}$; b) Tìm x, biết: $\frac{2}{3}x - \frac{5}{6} = \frac{1}{2}$

Bài 6. (0,5 điểm) [VD - TL8] Làm tròn số 457 645 với độ chính xác 5 00.

Bài 7 (0,75 điểm) [TH - TL6] Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Số con vật được nuôi tại trang trại B		
Loại con vật được nuôi	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Bò	173	48%
Lợn	144	40%
Gà	43	13%
Tổng	360	100%

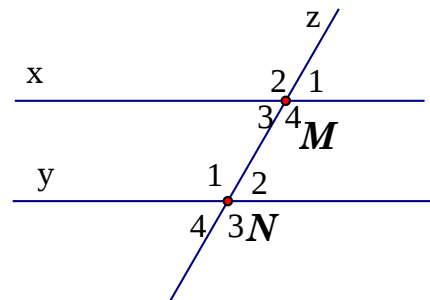
Bài 8 (0,5 điểm) [VD - TL9]). Thống kê về các loại lồng đèn mà các bạn học sinh lớp 7B làm được để trao tặng cho các trẻ em khuyết tật nhân dịp tết Trung thu được cho bởi bảng thống kê sau:

STT	Loại lồng đèn	Số lượng
1	Con cá	4
2	Thiên nga	2
3	Con thỏ	8
4	Ngôi sao	5
5	Đèn xếp	21

Bài 9 (0,75 điểm) [TH - TL5]

Quan sát hình vẽ bên, biết $\widehat{M_1} = 61^\circ$; $\widehat{N_2} = 61^\circ$

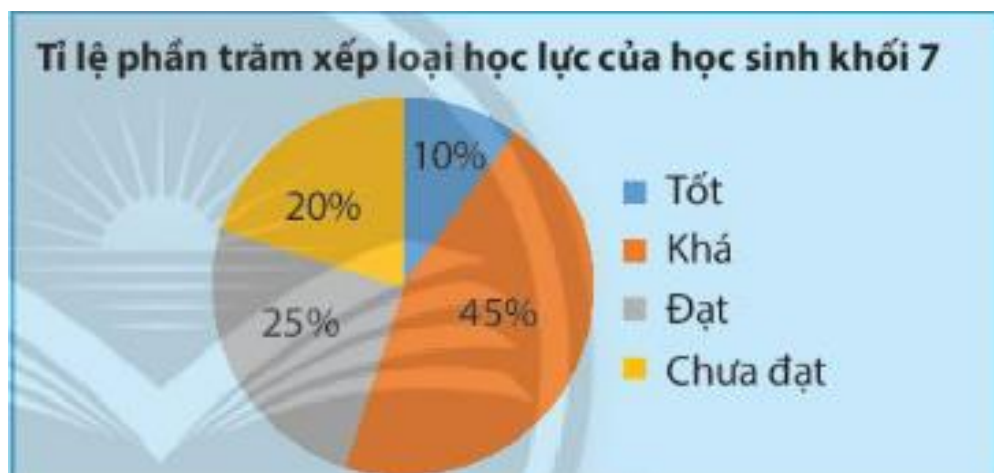
Giải thích vì sao $x \parallel y$



Bài 10 (1,0 điểm) [VDC - TL10]

Trong biểu đồ hình quạt tròn biểu thị tỉ lệ phần trăm xếp loại học lực của học sinh khối 7 (hình dưới), với loại: tốt (10%), khá (45%), đạt (25%) và chưa đạt (20%). Biết khối 7 có tổng cộng 400 học sinh

- Hỏi số học sinh khá là bao nhiêu học sinh, chưa đạt bao nhiêu học sinh:
- Nếu có thêm 5 Học sinh từ khá cố gắng đạt loại Tốt .Hỏi khi đó tỉ lệ phần trăm loại Tốt là bao nhiêu?



..... Hết

ĐỀ 5. TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm):

Câu 1. [NB - TN1] Căn bậc hai số học của 64 là :

- A. -32 B. -8 C. 8 D. 32

Câu 2. [NB - TN2] Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. $-\frac{2}{7}$ B. 0 C. 4,9 D. $-\sqrt{7}$

Câu 3. [NB - TN3] Cho $|x| = 16$ thì giá trị của x là:

- A. $x = -4$ B. $x = 4$ C. $x = 16$ hoặc $x = -16$ D. $x = -4$ hoặc $x = 4$

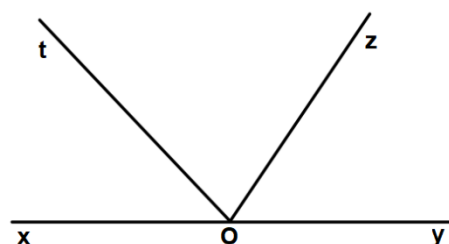
Câu 4. [NB - TN4] Số nào sau đây là số thập phân vô hạn không tuần hoàn:

- A. 2,1 B. 3,14 C. 0,232323... D. 1,32568234...

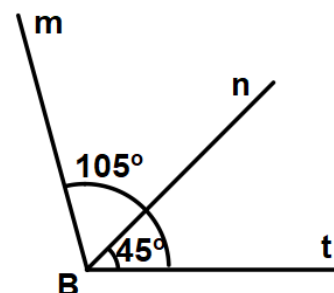
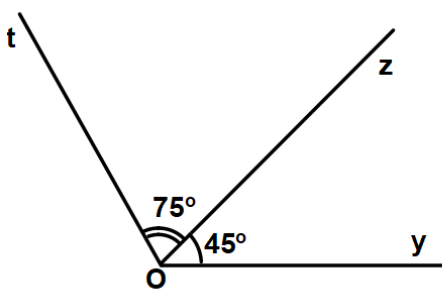
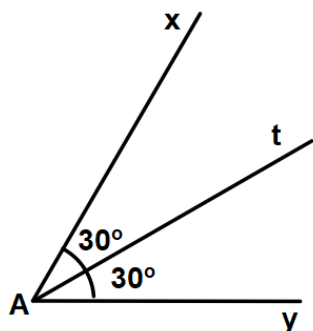
Câu 5. [NB - TN5]

Góc kề bù với góc xOz là:

- A. Góc zOt B. Góc xOt.
C. Góc zOy. D. Góc tOy.



Câu 6. [NB - TN6]



Trong các hình vẽ trên:

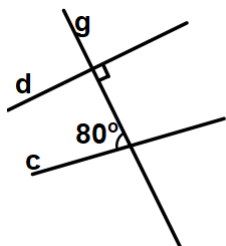
- A. At là tia phân giác của góc xAy. B. Oz là tia phân giác của góc tOy.
C. Bn là tia phân giác của góc mBt. D. Ba câu A, B, C đều đúng.

Câu 7. [NB - TN7] Qua điểm A nằm ngoài đường thẳng d đường thẳng song song với đường thẳng d. Hãy điền vào chỗ “...” để được khẳng định đúng.

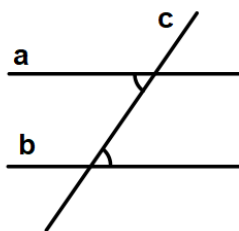
- A. không có. B. chỉ có một. C. có hai. D. có vô số.

Câu 8. [NB – TN8]

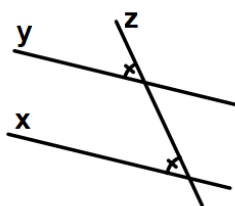
Hình vẽ nào sau đây **không** có hai đường thẳng song song?



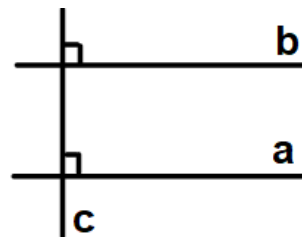
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 9. [NB – TN9]

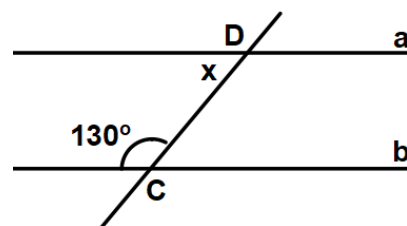
Cho hình vẽ bên, biết $a \parallel b$. Số đo x là:

A. 50° .

B. 70° .

C. 45°

D. 130° .



Câu 10. [TH – TN10] Khẳng định nào sau đây là sai:

A. Định lí là một khẳng định được suy ra từ những khẳng định được coi là đúng.

B. Định lí thường được phát biểu ở dạng “Nếu ... thì ...”.

C. Phần nằm giữa từ “Nếu” và từ “thì” là phần kết luận, phần nằm sau từ “thì” là phần giả thiết.

D. Chứng minh định lí là một tiến trình lập luận để từ giả thiết dẫn ra kết luận là đúng.

Câu 11. [TH - TN11]

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) học sinh tham gia các môn thể thao của khối 7 ở trường A.

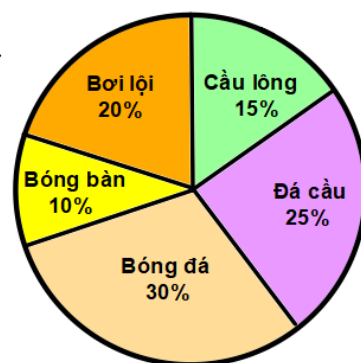
Mỗi học sinh chỉ được chọn một môn thể thao khi được hỏi ý kiến. Hỏi số học sinh chọn môn Bóng đá và Bơi lội chiếm bao nhiêu phần trăm?

A. 30%

B. 50%

C. 45%

D. 20%



Câu 12. [TH – TN12]

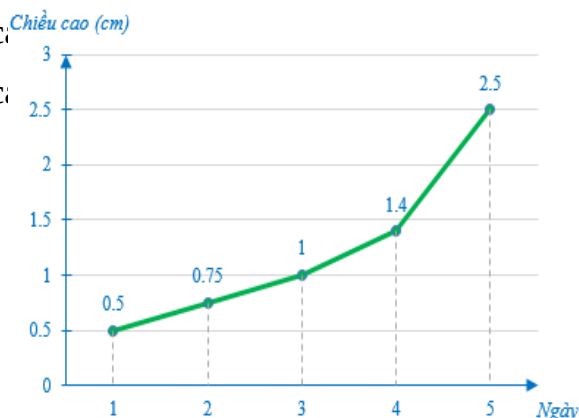
Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn chiều cao của một cây đậu trong 5 ngày. Hãy cho biết chiều cao của cây đậu vào ngày thứ tư.

A. 0,75

B. 1

C. 1,4

D. 2,5



Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):

Bài 1. (0,5 điểm) [NB - TL1] Tìm số đối của các số thực sau : $-\frac{7}{12}$; $\sqrt{7689}$.

Bài 2. (0,5 điểm) [NB - TL2] Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường còn lại.”

Bài 3. (0,75 điểm) [TH - TL3] Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{3}{8}\right)^3 \cdot \left(\frac{3}{8}\right)^2$; b) $(-\sqrt{5})^9 : (-\sqrt{5})^4$; c) $\left[\left(\frac{-7}{2}\right)^4\right]^2$

Bài 4. (0,75 điểm) [TH - TL4] Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)

a) $\sqrt{8}$ b) $\sqrt{45}$ c) $\sqrt{130}$

Bài 5. (1,0 điểm) [VD - TL7]

a) Tính: $\frac{-5}{8} : \frac{12}{5} + \frac{5}{-8} \cdot \frac{7}{12}$; b) Tìm x, biết: $\frac{2}{5}x - \frac{4}{3} = \frac{1}{5}$

Bài 6. (0,5 điểm) [VD - TL8] Làm tròn số 12,46386 với độ chính xác 0,005.

Bài 7. (0,75 điểm) [TH - TL6] Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Bảng 1.

Bảng dữ liệu về số loại xe gửi trong nhà xe của chung cư		
Loại xe	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Xe đạp	22	12%
Xe gắn máy	145	80%
Ô tô	15	18%
Tổng	182	110%

Bảng 2.

Tỉ số phần trăm các loại sách trong tủ sách của lớp 7B	
Loại sách	Tỉ số phần trăm
Sách tiểu sử danh nhân	20%
Sách truyện tranh	118%
Tham khảo	30%
Sách dạy kỹ năng sống	12%
Các loại sách khác	20%
Tổng	200%

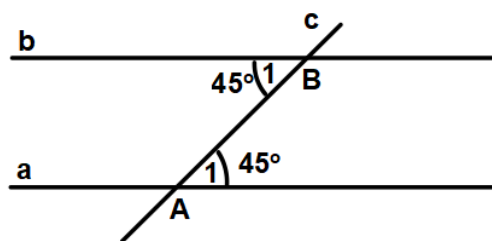
Bài 8. (0,5 điểm) [VD - TL9] Kết quả tìm hiểu về khả năng chạy 100m của các bạn học sinh nam lớp 7A được cho bởi bảng thống kê sau:

Khả năng chạy 100m	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt
Số bạn nam được đánh giá	3	4	6	7

- a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
- b) Dữ liệu trên có đại diện cho khả năng chạy 100m của các bạn học sinh lớp 7A hay không? Vì sao?

Bài 9. (0,75 điểm) [TH - TL5]

Quan sát hình vẽ bên. Giải thích vì sao $a \parallel b$?

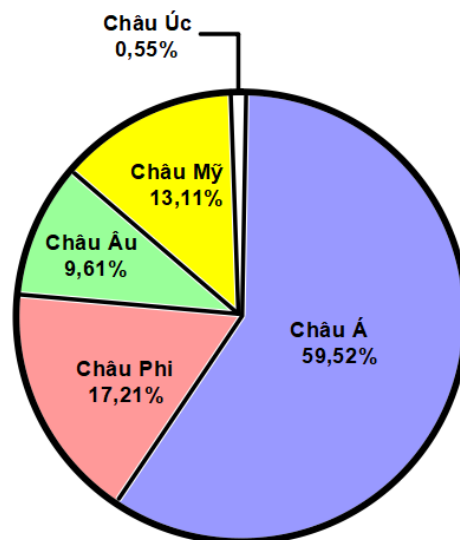


Bài 10. (1,0 điểm) [VDC - TL10]

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn dân số của các Châu lục tính đến ngày 01/7/2020 (tính theo tỉ số phần trăm).

a) Biết rằng năm 2020 tổng số dân của 5 châu lục là 7 773 triệu người. Tính tổng số dân của châu Á và châu Âu.

b) Tổng cục Thống kê cho biết, năm 2020, dân số Việt Nam trung bình ước tính là 97,58 triệu người, tăng 1,098 triệu người, tương đương tăng 1,14% so với năm 2019. Tuy nhiên tỉ lệ nam nữ không cân bằng. Hãy cho biết hai nguyên nhân dẫn đến sự mất cân bằng tỉ lệ nam nữ ở Việt Nam.



..... Hết

ĐỀ 6. TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm):

Câu 1. [NB - TN1] Căn bậc hai số học của 81 là :

- A. 27 B. -9 C. 9 D. -27

Câu 2. [NB - TN2] Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. $\frac{5}{6}$ B. $\sqrt{7}$ C. 0 D. 0,75

Câu 3. [NB - TN3] Cho $|x| = 5$ thì giá trị của x là :

- A. $x = 5$ B. $x = -5$ C. $x = 5$ hoặc $x = -5$ D. $x = 25$ hoặc $x = -25$

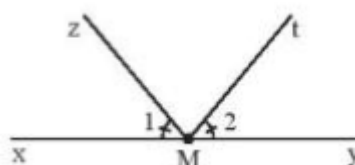
Câu 4. [NB - TN4] Số nào sau đây là số thập phân vô hạn tuần hoàn:

- A. 0,5 B. 0,125 C. 0,50505050505... D. 0,4123443345....

Câu 5. [NB - TN5]

Góc kề với góc yMt là:

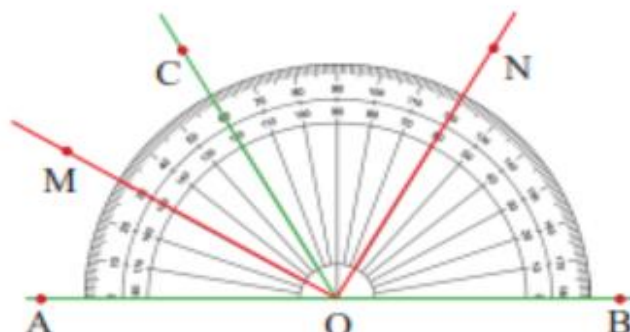
- A. Góc zMt B. Góc xMz
C. Góc tMx D. Góc tMz , góc tMx



Câu 6. [NB – TN6]

Trong hình vẽ trên:

- A. ON là tia phân giác của góc BOC.
B. OM là tia phân giác của góc AOC.
C. ON, OM lần lượt là tia phân giác của góc AOC và góc BOC
D. A và B đúng.

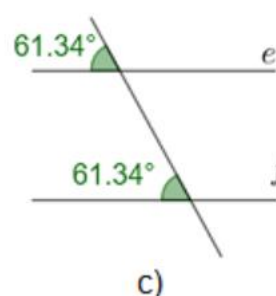
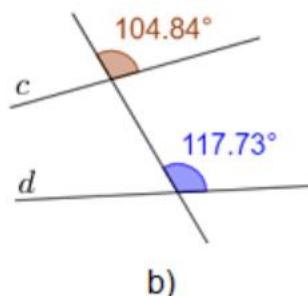
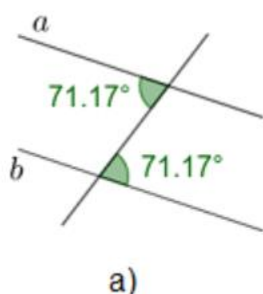


Câu 7. [NB – TN7] Qua điểm M nằm ngoài đường thẳng a đường thẳng song song với đường thẳng a. Hãy điền vào chỗ “....” để được khẳng định đúng.

- A. chỉ có một. B. có hai. C. không có. D. có vô số.

Câu 8. [NB – TN8]

Hình vẽ nào sau đây có hai đường thẳng song song?

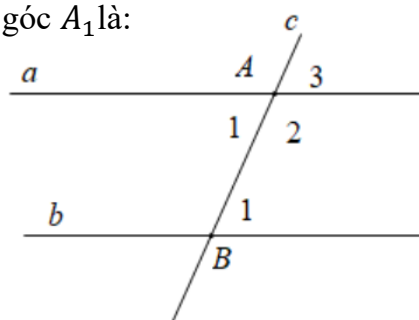


- A. hình a . B. hình b . C. hình c D. Hình a,c.

Câu 9. [NB – TN9]

Cho hình vẽ bên, biết $a \parallel b$, góc $B_1 = 60^\circ$. Số đo góc A_1 là:

- A. 51° . B. 60° .
C. 48° D. 120° .



Câu 10. [TH – TN10] Khẳng định nào sau đây là sai:

A. Định lí thường được phát biểu ở dạng “Nếu ... thì ...”

B. Phần nằm giữa từ “Nếu” và từ “thì” là phần giả thiết, phần nằm sau từ “thì” là phần kết luận.

C. Chứng minh định lí là một tiến trình lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận là đúng.

D. Chứng minh định lí là một tiến trình lập luận để từ kết luận dẫn ra giả thiết là đúng.

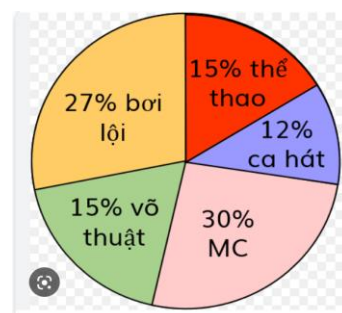
Câu 11. [TH - TN11]

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) học sinh tham gia câu lạc bộ: Thể thao, ca hát, Mc, võ thuật, bơi lội của học sinh khối 7 ở trường.

Mỗi học sinh chỉ được chọn một câu lạc bộ khi được hỏi ý kiến.

Hỏi số học sinh chọn bơi lội và thể thao chiếm bao nhiêu phần trăm?

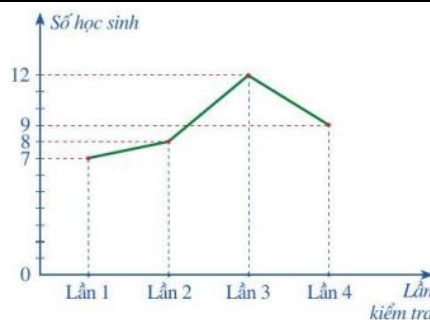
- A. 27% B. 15% C. 45% D. 42%



Câu 12. [TH – TN12]

Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn số học sinh đạt điểm giỏi trong bốn lần kiểm tra môn Toán của lớp 7A: lần 1, lần 2, lần 3, lần 4. Hãy cho biết số học sinh đạt điểm giỏi ở lần kiểm tra thứ hai.

- A. 7 B. 8 C. 9 D. 12



Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):

Bài 1. (0,5 điểm) [NB - TL1] Tìm số đối của các số thực sau : $\frac{7}{5}$; $-\sqrt{105}$

Bài 2. (0,5 điểm) [NB - TL2] Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thì chúng song song với nhau.”

Bài 3. (0,75 điểm) [TH - TL3] Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $2,5^3 \cdot 2,5^3 \cdot 2,5$; b) $(\frac{-3}{7})^8 : (\frac{-3}{7})^5$; c) $[(\frac{3}{4})^3]^4$

Bài 4. (0,75 điểm) [TH - TL4] Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)

a) $\sqrt{28}$ b) $\sqrt{150}$ c) $\sqrt{2020}$

Bài 5. (1,0 điểm) [VD - TL7]

a) Tính: $\frac{-4}{9} \cdot \frac{3}{16} + \frac{-4}{9} \cdot \frac{15}{16} - \frac{4}{9} : 8$; b) Tìm x, biết: $\frac{5}{3} - 3x = 2,5$

Bài 6. (0,5 điểm) [VD - TL8] Làm tròn số 27,876 với độ chính xác d= 0,5.

Bài 7. (0,75 điểm) [TH - TL6] Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Bảng 1.

Đồ dùng	Số hàng nhập về (cái)	Số hàng đã bán
Bút	200	135
Thước	150	162
Vở	220	175
Balo	50	32

Bảng 2.

Tỉ lệ phần trăm các loại sách trong tủ sách của lớp 7A1	
Loại sách	Tỉ lệ phần trăm
Sách tiểu sử danh nhân	20%
Sách truyện tranh	18%
Sách tham khảo	30%
Sách dạy kĩ năng sống	12%
Các loại sách khác	40%
<i>Tổng</i>	120%

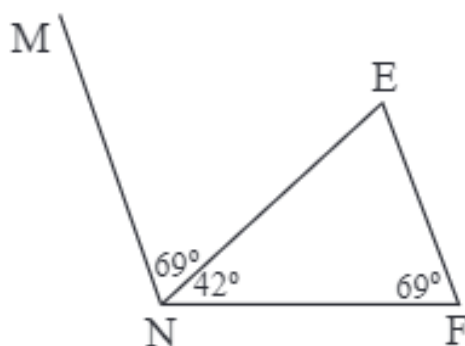
Bài 8. (0,5 điểm) [VD - TL9] Kết quả tìm hiểu về khả năng tự nấu ăn của các bạn học sinh lớp 7B được cho bởi bảng thống kê sau:

Khả năng tự nấu ăn	Không đạt	Đạt	Giỏi	Xuất sắc
Số bạn nữ tự đánh giá	2	10	5	3

- a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
- b) Dữ liệu trên có đại diện cho khả năng tự nấu ăn của các bạn học sinh lớp 7B hay không? Vì sao?

Bài 9. (0,75 điểm) [TH - TL5]

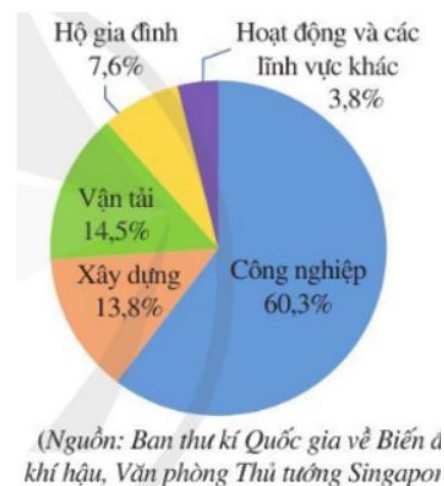
Quan sát hình 6, hãy chứng tỏ rằng $MN \parallel EF$?



Hình 6

Bài 10. (1,0 điểm) [VDC - TL10]

Tổng lượng khí nhà kính đến từ các hoạt động và lĩnh vực kinh doanh ở Singapore vào năm 2020 là (khoảng) 77.2 triệu tấn khí carbonic tương đương. Biểu đồ hình quạt tròn ở Hình 30 biểu diễn lượng phát thải khí nhà kính ở từng lĩnh vực của Singapore vào năm 2020 (tính theo tỉ số phần trăm).



- a) Tính lượng khí nhà kính được tạo ra ở từng hoạt động và lĩnh vực của Singapore vào năm 2020.
- b) Hoàn thành số liệu ở bảng sau:

Hoạt động, lĩnh vực	Công nghiệp	Xây dựng	Vận tải	Hộ gia đình	Hoạt động và các lĩnh vực khác
Lượng khí nhà kính (triệu tấn)	?	?	?	?	?

..... Hết

ĐỀ 7. TRƯỜNG THCS TRUNG MỸ TÂY 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu 1. Căn bậc hai số học của 25 là

- A. -5 B. $\sqrt{5}$ C. $-\sqrt{25}$ D. 5

Câu 2. Trong các số sau, số nào biểu diễn số vô tỉ?

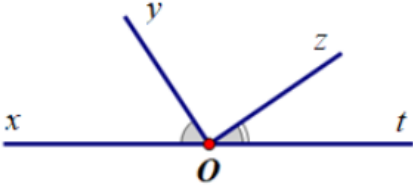
- A. 2 B. $-\frac{1}{2}$ C. $\sqrt{3}$ D. 0

Câu 3. Cho $|x|=2$ thì giá trị của x là:

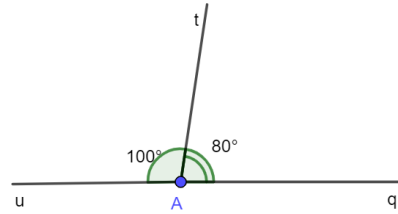
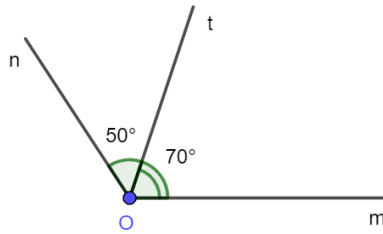
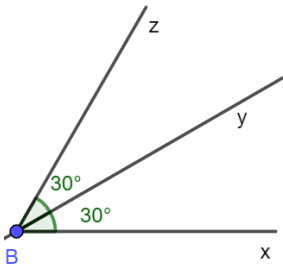
- A. -2 B. 2 hoặc -2 C. 2 D. 4

Câu 4. Số nào sau đây là số thập phân vô hạn không tuần hoàn:

- A. 0,2 B. 0,375 C. 1,234234234.... D. 1,203759852...

Câu 5. Góc kề bù với góc xOy là: A. Góc xOz B. Góc yOt. C. Góc zOt. D. Góc tOx.	
--	--

Câu 6. Trong các hình vẽ trên:

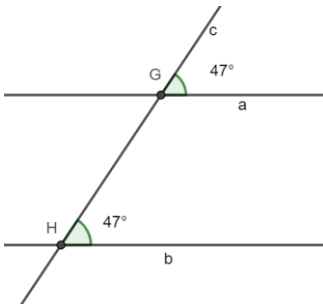


- A. By là tia phân giác của xBz . B. Ot là tia phân giác của mOn .
- C. At là tia phân giác của qAu . D. Ba câu A, B, C đều đúng.

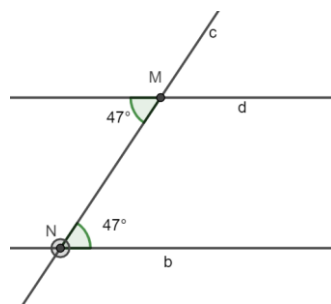
Câu 7. Qua điểm M nằm ngoài đường thẳng a đường thẳng song song với đường thẳng a. Hãy điền vào chỗ “...” để được khẳng định đúng.

- A. chỉ có một. B. có hai. C. không có. D. có vô số.

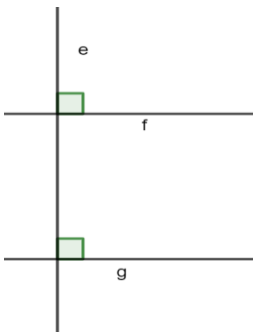
Câu 8. Hình vẽ nào sau đây **không** có hai đường thẳng song song



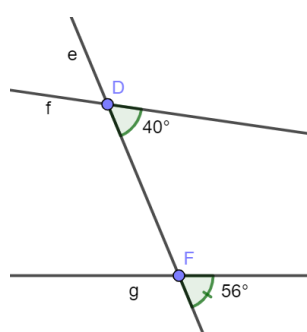
Hình 1



Hình 2



Hình 3

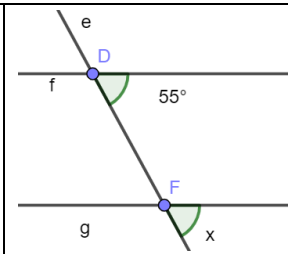


Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 9. Cho hình vẽ bên, biết $f \parallel g$. Số đo x là:

- A. 135° B. 55° C. 48° D. 100°



Câu 10. Cho định lí: “Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc đồng vị bằng nhau”. Hãy chỉ ra giả thiết và kết luận của định lí trên.

A. Giả thiết: “một đường thẳng cắt hai đường thẳng”; Kết luận: “song song thì hai góc đồng vị bằng nhau”

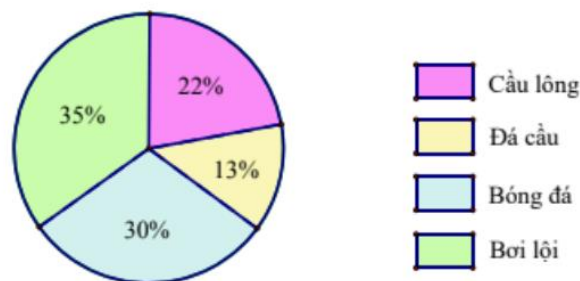
B. Giả thiết: “một đường thẳng”; Kết luận: “cắt hai đường thẳng song song thì hai góc đồng vị bằng nhau”

C. Giả thiết: “một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song”; Kết luận: “hai góc đồng vị bằng nhau”

D. Giả thiết: “một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc đồng vị”; Kết luận: “bằng nhau”.

Câu 11. Biểu đồ dưới đây cho biết tỉ số phần trăm học sinh tham gia các môn thể thao của lớp 7A.

Tỉ lệ phần trăm học sinh tham gia các môn thể thao của lớp 7A



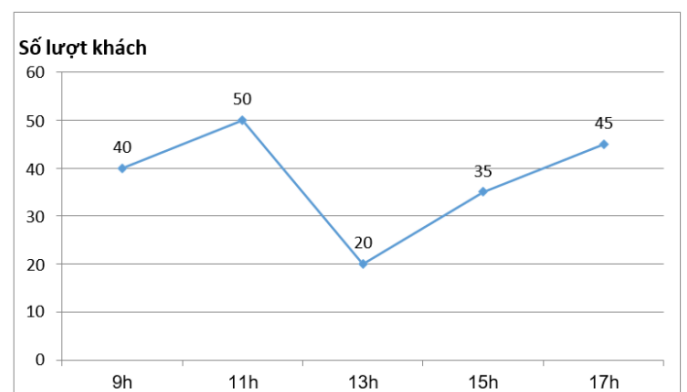
Căn cứ vào biểu đồ sau đây, hãy cho biết môn nào có các học sinh lớp 7A tham gia ít nhất?

- A. Cầu lông B. Bơi lội; C. Bóng đá; D. Đá cầu

Câu 12. Cho biểu đồ sau

Các số trên mỗi đầu mút đoạn thẳng của hình thể hiện số khách hàng đến cửa hàng đó. Hỏi vào thời điểm nào có nhiều khách đến cửa hàng nhất?

- A. 17h; B. 9h;
C. 11h; D. 13h.



Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):

Câu 1. (0,5 điểm) Tìm số đối của các số thực sau : $-\frac{1}{2}$; $\sqrt{3}$

Câu 2. (0,5 điểm) Viết giả thiết, kết luận của định lí: “**Nếu hai đường thẳng cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì hai đường thẳng đó song song.**”

Câu 3. (0,75 điểm) Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{-1}{3}\right)^2 \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^3$ b) $(-0,5)^{2022} : (-0,5)^{2020}$ c) $\left[\left(-\frac{2}{3}\right)^2\right]^2$

Câu 4. (0,75 điểm) Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)

a) $\sqrt{2}$ b) $\sqrt{122}$ c) $\sqrt{2022}$

Câu 5. (1,0 điểm)

a) Tính $\frac{11}{3} \cdot \frac{1}{5} + \frac{11}{3} \cdot \frac{8}{5}$ b) Tìm x biết: $\frac{2}{5} - \frac{3}{7}x = 1$

Câu 6. (0,5 điểm) Làm tròn đến hàng trăm các số sau: 12 730; 345

Câu 7. (0,75 điểm) Trong cuộc thi bơi cự li 50 m tự do của học sinh nam nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, có sáu học sinh Nhân, Tấn, Lâm, Bình, Tiến, Long của một trường Trung học cơ sở tham gia với kết quả bơi được thống kê như sau:

Học sinh	Nhân	Tấn	Lâm	Bình	Tiến	Long
Thời gian (giây)	32,5	35,7	3,1	42,3	38,1	45,3

Sau khi xem xét lại kết quả, ban tổ chức nhận ra đã có ghi nhầm số liệu của một học sinh. Ban tổ chức có thể đã ghi nhầm số liệu của học sinh nào?

Câu 8. (0,5 điểm) Kết quả xếp loại học lực môn Toán của học sinh lớp 7A được cho bởi bảng thống kê sau:

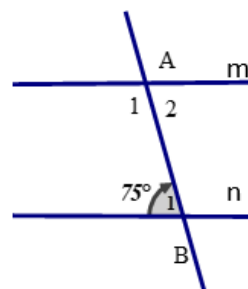
Xếp loại học lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Số lượng học sinh	15	24	11	2

Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

Câu 9. (0,75 điểm)

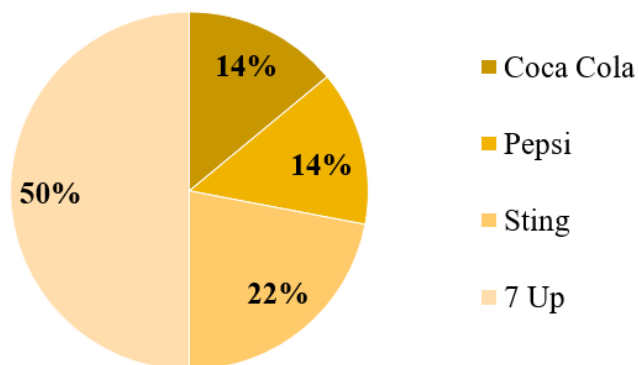
Cho hình vẽ bên, biết $m \parallel n$.

Tính số đo của $\hat{A}_2$



Câu 10. (1 điểm) Sử dụng các thông tin từ biểu đồ sau đây để trả lời câu hỏi:

Tỉ lệ phần trăm loại nước ngọt yêu thích của học sinh lớp 7A



- a) Biểu đồ biểu diễn các thông tin về vấn đề gì?
b) Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?
c) Tính số bạn thích uống 7 up của lớp 7A, biết lớp 7A có 48 bạn

..... Hết

ĐỀ 8. TRƯỜNG THCS ĐÔNG THẠNH

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm):

Câu 1. [NB-TN1] Căn bậc hai số học của 16 là:

- A. 8 B. -8 C. 4 D. -4

Câu 2. [NB-TN2] Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. 0 B. $\sqrt{7}$ C. $-\sqrt{49}$ D. $\sqrt{49}$

Câu 3. [NB-TN3] Cho $|x| = 16$ thì giá trị của x là :

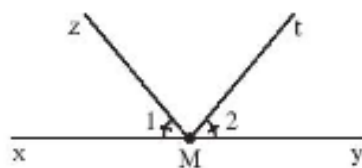
- A. $x = 4$
 $= -16$ B. $x = -4$ C. $x = 4$ hoặc $x = -4$ D. $x = 16$ hoặc x

Câu 4. [NB-TN4] Số nào sau đây là số thập phân vô hạn không tuần hoàn:

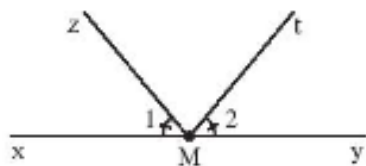
- A. 1,5 B. 0,275 C. 0,123234567..... D. 1,234343434....

Câu 5. [NB-TN5] Góc kề bù với góc yMt là:

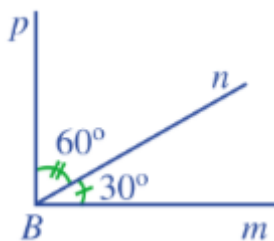
- A. Góc zMx B. Góc tMz
C. Góc tMx D. Góc xMy



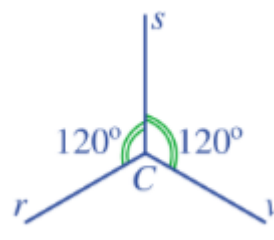
Câu 6. [NB-TN6] Trong các hình sau, hình nào có tia phân giác của một góc:



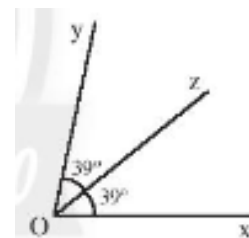
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

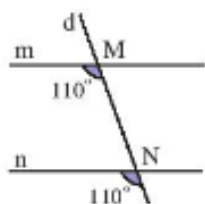
- A. Hình 3 B. Hình 4 C. Hình 1 D. Hình 2

Câu 7. [NB-TN7] Qua điểm M nằm ngoài đường thẳng a.....đường thẳng song song với đường thẳng a.

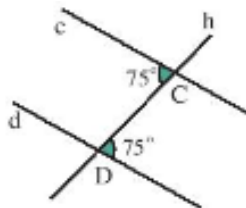
Hãy điền vào chỗ “...” để được khẳng định đúng.

- A. có vô số B. không có
C. có hai D. chỉ có một

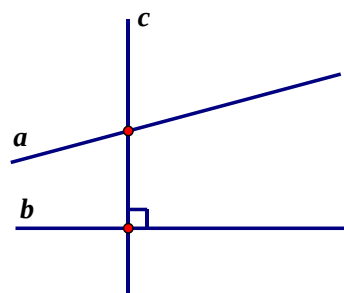
Câu 8. [NB-TN8] Hình vẽ nào sau đây không có hai đường thẳng song song?



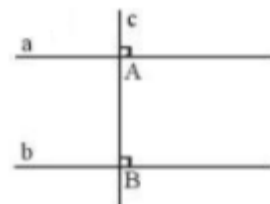
Hình 1



Hình 2



Hình 3

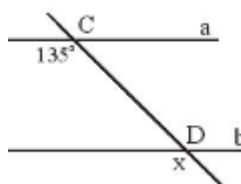


Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 3 C. Hình 4 D. Hình 2

Câu 9. [NB-TN9]

Cho hình vẽ bên, biết $a \parallel b$. Số đo x là:



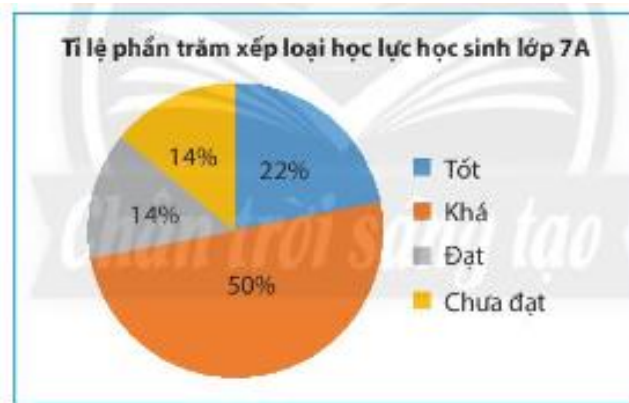
- A. 45° B. 65° C. 135° D. 125°

Câu 10. [NB-TN10] Khẳng định nào sau đây sai:

- A. Định lý là một khẳng định được suy ra từ những khẳng định được coi là đúng.
B. Chứng minh định lý là dùng lập luận để từ kết luận suy ra giả thiết.
C. Phần nằm giữa từ “Nếu” và từ “thì” là phần giả thiết, phần nằm sau từ “thì” là phần kết luận.
D. Định lý thường được phát biểu dưới dạng “Nếu... thì”

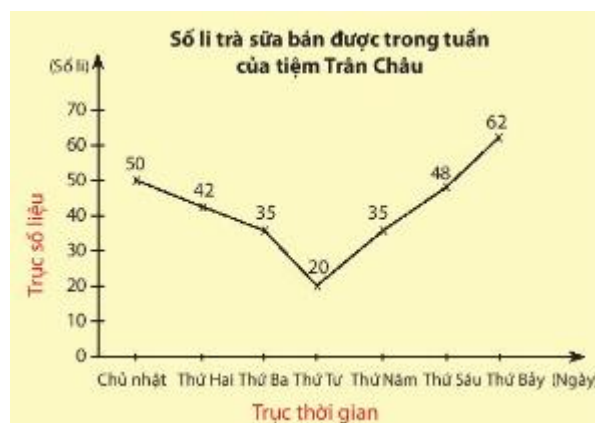
Câu 11. [NB-TN11] Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê xếp loại học lực (tính theo tỉ số phần trăm) của học sinh khối 7. Hỏi số học sinh được xếp loại học lực từ đạt trở lên chiếm bao nhiêu phần trăm?

- A. 36% B. 86%
C. 72% D. 14%



Câu 12. [NB-TN12] Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn số lít sữa bán được trong tuần của tiệm Trân Châu. Hãy cho biết số lít bán được vào ngày thứ bảy là bao nhiêu?

- A. 48 B. 62
C. 35 D. 20



Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):

Bài 1. (0,5 điểm) [NB- TL1] Tìm số đối của các số sau: $-\sqrt{25}$; $\frac{6}{7}$

Bài 2. (0,5 điểm) [NB- TL2] Viết giả thiết, kết luận của định lí “ Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng còn lại.”

Bài 3. (0,75 điểm) [NB- TL3] Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{-3}{2}\right)^5 \cdot \left(\frac{-3}{2}\right)^2$ b) $(4,3)^7 : (4,3)^4$ c) $\left[\left(\frac{1}{5}\right)^3\right]^2$

Bài 4. (0,75 điểm) [NB- TL4] Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến hàng phần nghìn)

a) $\sqrt{6}$ b) $\sqrt{7}$ c) $\sqrt{14}$

Bài 5. (1,0 điểm) [VD- TL7]

a) Tính: $\frac{-4}{7} : \frac{18}{5} - \frac{5}{18} : \frac{7}{3} + \frac{5}{9}$ b) Tìm x, biết: $\frac{2}{5} - \frac{11}{5}x = \frac{-3}{10}$

Bài 6. (0,5 điểm) [VD- TL8] Làm tròn số 4 257 612 đến độ chính xác 500

Bài 7. (0,75 điểm) [TH- TL6] Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Bảng 1.

Lớp	Sĩ số	Số học sinh xếp loại đạt trở lên
7/1	46	40
7/2	47	39
7/3	48	43
7/4	49	50
7/5	48	42

Bảng 2

Bảng dữ liệu về số loại xe gửi trong nhà xe chung cư		
Loại xe	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Xe đạp	22	12%
Xe máy	145	80%
Xe Ô tô	15	18%
Tổng	182	110%

Bài 8. (0,5 điểm) [VD- TL9]

Tìm hiểu về khả năng chạy 100m của các bạn học sinh lớp 7/1 được cho bởi bảng thống kê sau:

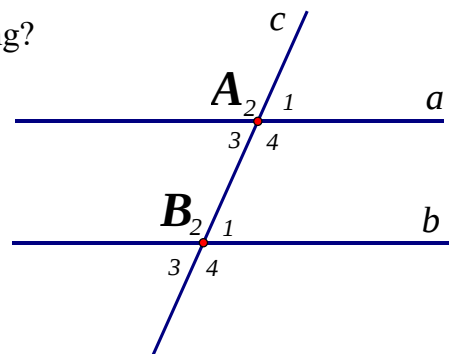
Khả năng chạy 100m	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt
Số bạn nam được đánh giá	3	4	6	7

- Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
- Dữ liệu trên có đại diện cho các học sinh lớp 7/1 hay không?

Bài 9. (0,75 điểm) [TH- TL5]

Quan sát hình bên, biết góc $A_4 = 120^\circ$, $B_2 = 120^\circ$.

Hãy giải thích vì sao $a \parallel b$?



Bài 10. (1,0 điểm) [VD- TL10]

Năm 2021, Trên địa bàn cả nước xảy ra 11 454 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 7 370 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 4 084 vụ va chạm giao thông. Tổng số người bị tai nạn là 13 737 người, trong đó số người tử vong chiếm 41,78%, số người bị thương nặng chiếm 28,31% và số người bị thương nhẹ chiếm 29,91%.

- Hỏi có bao nhiêu người bị tử vong? Có bao nhiêu người bị thương nặng? (kết quả làm tròn đến hàng đơn vị)
- Theo em, làm gì để kéo giảm tai nạn giao thông?

ĐỀ 9. TRƯỜNG THCS BÙI VĂN THỦ

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm):

Câu 1. [NB - TN1] Căn bậc hai số học của 49 là :

- A. 49 B. -7 C. 7 D. -49

Câu 2. [NB - TN2] Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. $\frac{5}{6}$ B. $-\sqrt{7}$ C. 0 D. 5,4

Câu 3. [NB - TN3] Cho $|x| = 4$ thì giá trị của x là :

- A. $x = 2$ B. $x = -2$ C. $x = 4$ hoặc $x = -4$ D. $x = 2$ hoặc $x = -2$

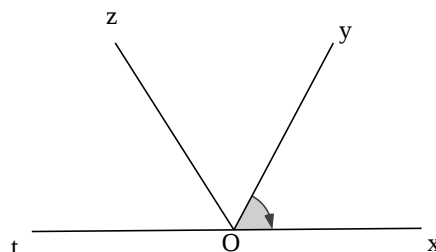
Câu 4. [NB - TN4] Số nào sau đây là số thập phân vô hạn không tuần hoàn:

- A. 0,3 B. 0,75 C. 0,454545454545... D. 0,320134098...

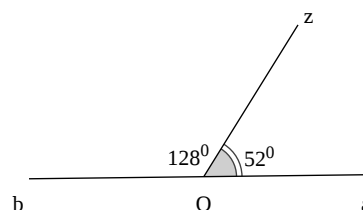
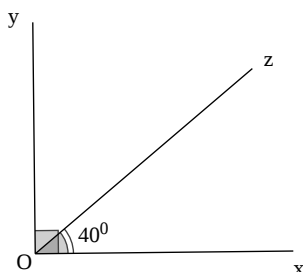
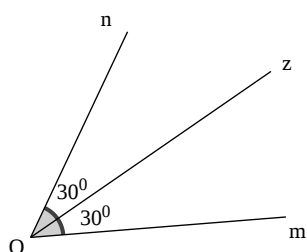
Câu 5. [NB - TN5]

Góc **kề bù** với góc xOy là:

- A. Góc yOz B. Góc zOt
C. Góc yOt D. Góc yOx



Câu 6. [NB – TN6]



Oz là tia phân giác của góc nào sau đây ?

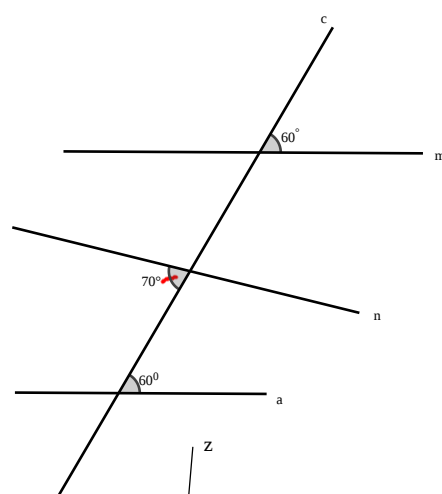
- A. Góc aOb B. Góc xOy
C. Góc mOn D. Cả A,B,C đều đúng

Câu 7. [NB – TN7] Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong ... thì a và b song song với nhau. Hãy điền vào chỗ “ ” để được khẳng định đúng.

- A. Vuông góc B. Đồng vị C. Bằng nhau D. Song song

Câu 8: [NB – TN8] Quan sát hình bên và cho biết cặp đường thẳng nào song song với nhau:

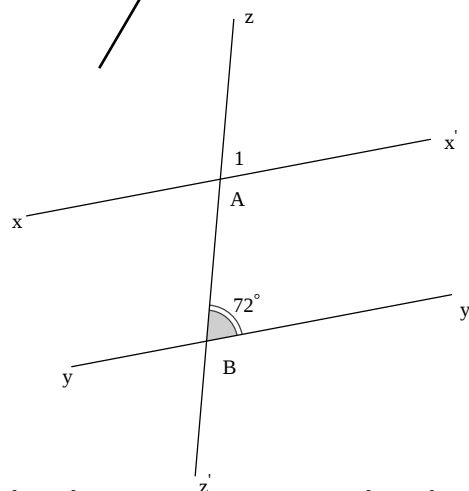
- A. m song song n B. n song song a
C. m song song a D. cả 3 đáp án trên



Câu 9.[NB – TN9]

Cho hình vẽ bên, biết $xx' \parallel yy'$. Số đo góc A_1 là:

- A. 52° . B. 72° .
C. 108° D. 112° .



Câu 10.[TH – TN10] Khẳng định nào sau đây là sai:

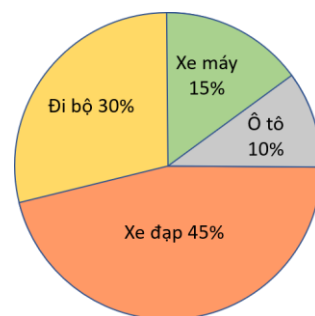
- A. Định lí thường được phát biểu ở dạng “Nếu ... thì ...”
B. Phần nằm giữa từ “Nếu” và từ “thì” là phần giả thiết, phần nằm sau từ “thì” là phần kết luận.
C. Chứng minh định lí là một tiến trình lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận là đúng.
D. Chứng minh định lí là một tiến trình lập luận để từ kết luận dẫn ra giả thiết là đúng.

Câu 11.[TH - TN11]

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) Tỉ lệ phần trăm các phương tiện được sử dụng để đến trường của các em học sinh của một trường học.

Mỗi học sinh chỉ được chọn một môn phương tiện khi được hỏi ý kiến. Hỏi số học sinh đi xe đạp nhiều hơn học sinh đi bộ bao nhiêu phần trăm?

- A. 75 % B. 15 % C. 45% D. 55%



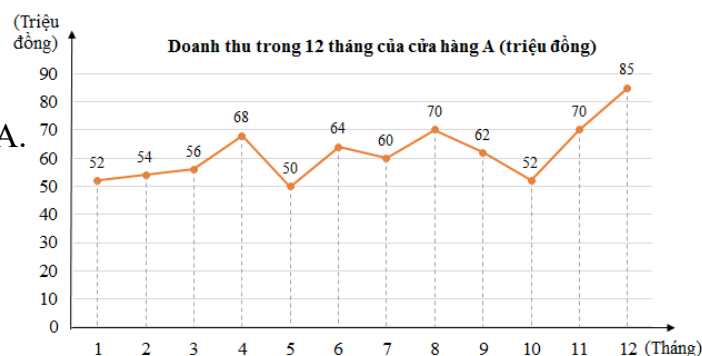
Câu 12. [TH – TN12]

Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên

biểu diễn doanh thu trong 12 tháng của cửa hàng A.

Em hãy cho biết trong tháng mấy cửa hàng A có doanh thu cao nhất .

- A. 9 B. 10 C. 11 D. 12



Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):**Bài 1.** (0,5 điểm) [NB - TL1] Tìm số đối của các số thực sau : $\frac{7}{9}$; $-\sqrt{2023}$ **Bài 2.** (0,5 điểm) [NB - TL2] Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng khác thì chúng song song với nhau.”**Bài 3.** (0,75 điểm) [TH - TL3] Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{-1}{2}\right) \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^3$; b) $(-4,5)^8 : (-4,5)^3$; c) $\left[\left(\frac{-2}{5}\right)^3\right]^4$

Bài 4. (0,75 điểm) [TH - TL4] Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến hàng phần trăm)

a) $\sqrt{15}$ b) $\sqrt{201}$ c) $\sqrt{1999}$

Bài 5. (1,0 điểm) [VD - TL7]

a) Tính: $\frac{22}{23} \cdot \frac{-5}{11} - \frac{6}{11} \cdot \frac{22}{23}$; b) Tìm x, biết: $\frac{4}{5}x + \frac{3}{4} = \frac{-1}{3}$

Bài 6. (0,5 điểm) [VD - TL8] Làm tròn số 32 176 244 với độ chính xác $d= 50\,000$.**Bài 7.** (0,75 điểm) Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Bảng 1

LỚP	SỐ SỐ	SỐ HỌC SINH BÁN TRÚ
7A	43	40
7B	45	43
7C	43	40
7D	42	41
7E	44	45
7F	45	42

Bảng 2.

XẾP LOẠI HẠNH KIỂM KHỐI 7	TỈ LỆ
TỐT	100%
KHÁ	18%
ĐẠT	5%
CHƯA ĐẠT	2%
TỔNG	125%

Bài 8. (0,5 điểm) [VD - TL9] Kết quả tìm hiểu về khả năng bơi của các bạn học sinh lớp 7B được cho bởi bảng thống kê sau:

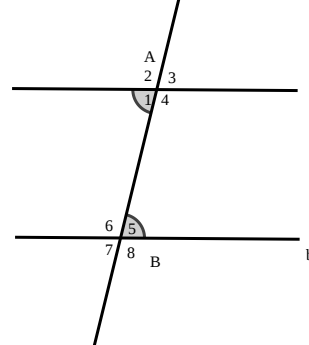
Khả năng bơi	Chưa biết bơi	Biết bơi ếch	Biết bơi sải	Biết bơi kiểu khác
Số bạn nam tự đánh giá	7	5	2	3

- a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
- b) Dữ liệu trên có đại diện cho khả năng bơi của các bạn học sinh lớp 7B hay không? Vì sao?

Bài 9. (0,75 điểm) [TH - TL5]

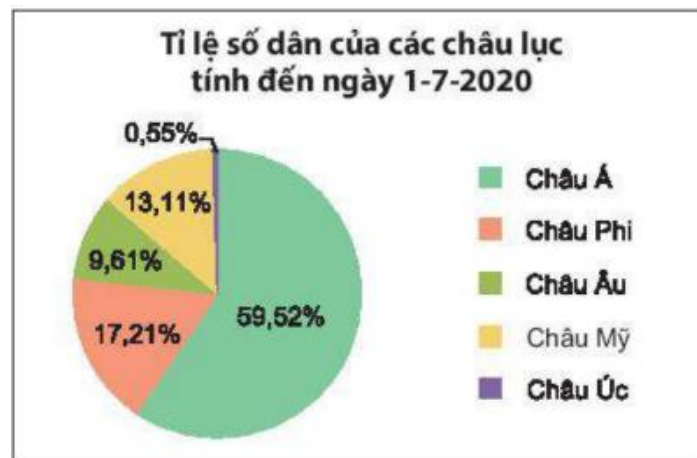
Quan sát hình vẽ bên, biết $\widehat{A_1} = 62^\circ$ và $\widehat{B_5} = 62^\circ$.

Giải thích vì sao $a \parallel b$.



Bài 10. (1,0 điểm) [VDC - TL10]

- a) Dựa vào biểu đồ trên, em hãy cho biết Châu lục nào có số dân đông nhất, ít nhất ?
- b) Biết rằng tổng dân số năm 2020 của 5 châu lục khoảng 7 773 triệu người. Em hãy cho biết dân số Châu Á nhiều hơn dân số Châu Âu là bao nhiêu triệu người (kết quả làm tròn đến hàng phần mười).



Hình 5.18. (Theo Báo cáo dân số năm 2020 của Liên Hợp Quốc)

..... Hết

ĐỀ 10. TRƯỜNG THCS XUÂN THỜI THUỶ

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. [NB - TN1] Căn bậc hai số học của 49 là :

- A. - 14 B. 7 C. - 7 D. 14

Câu 2. [NB - TN2] Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. 0 B. 9,5 C. $\frac{-5}{12}$ D. $-\sqrt{7}$

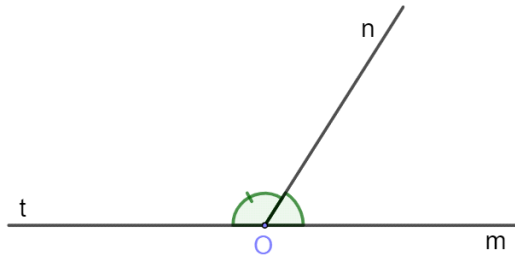
Câu 3. [NB - TN3] Cho $|x| = 3$ thì giá trị của x là :

- A. $x = -9$ B. $x = 9$ C. $x = 9$ hoặc $x = -9$ D. $x = 3$ hoặc $x = -3$

Câu 4. [NB - TN4] Tìm số thập phân vô hạn tuần hoàn sau : 0,625; 0,15 ; 0,681818.....; 0,4 ?

- A. 0,681818..... B. 0,15 C. 0,4 D. 0,625

Câu 5. [NB - TN5] Quan sát hình vẽ. Góc mOn và góc nOt là hai góc



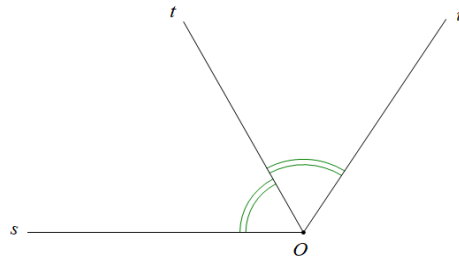
A. kẻ bù.

B. đối đỉnh.

C. so le trong.

D. đồng vị.

Câu 6. [NB - TN6] Tìm tia phân giác của $\angle sOu$ trong hình vẽ sau:



A. Ot

B. sO

C. Os

D. Ou

Câu 7. [NB - TN7] Cho định lí: "Nếu một đường thẳng cắt một trong hai đường thẳng song song thì nó cắt đường thẳng còn lại". Giả thiết của định lí là:

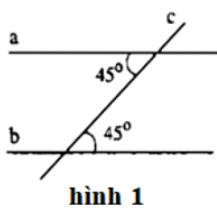
A. Nếu một đường thẳng cắt một trong hai đường thẳng.

B. Nếu một đường thẳng cắt một trong hai đường thẳng song song thì nó cắt đường thẳng còn lại.

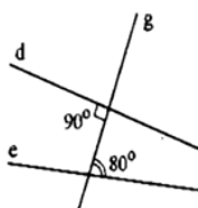
C. Nếu một đường thẳng cắt một trong hai đường thẳng song song.

D. Nó cắt đường thẳng còn lại.

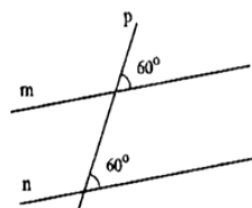
Câu 8. [NB - TN8] Hình vẽ nào sau đây ? Chọn câu trả lời đúng.



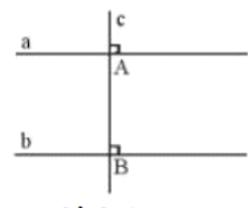
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

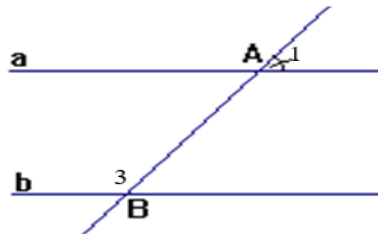
A. Hình 3 - Hai đường thẳng không song song

B. Hình 2 - Hai đường thẳng không song song

C. Hình 4 - Hai đường thẳng không song song

D. Hình 1 - Hai đường thẳng không song song

Câu 9. [TH - TN9] Cho hình vẽ. Biết : $a \parallel b$, $A_1 = 50^\circ$. Tính $B_3 = ?$



A. $B_3 = 90^\circ$

B. $B_3 = 130^\circ$

C. $B_3 = 50^\circ$

D. $B_3 = 40^\circ$

Câu 10. [NB - TN10] Khẳng định nào sau đây là sai: Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì :

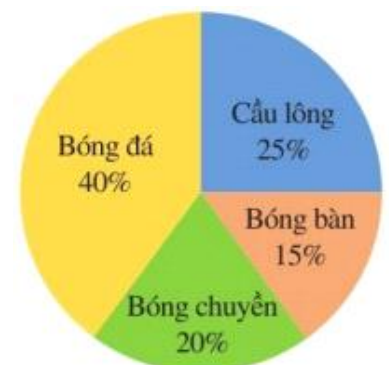
A. Hai góc so le trong bằng nhau.

B. Hai góc đồng vị bằng nhau.

C. Hai góc so le trong không bằng nhau.

D. Hai góc trong cùng phía bù nhau.

Câu 11. [TH - TN11] Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Cầu lông, Bóng bàn, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở trường A. Mỗi học sinh chỉ được chọn một môn thể thao khi được hỏi ý kiến. Hỏi số học sinh chọn môn Bóng chuyền và Bóng bàn chiếm bao nhiêu phần trăm ?



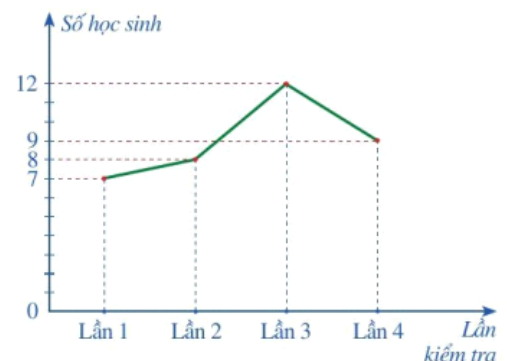
A. 55%

B. 40%

C. 60%

D. 35%

Câu 12. [TH - TN12] Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn số học sinh đạt điểm giỏi trong bốn lần kiểm tra môn Toán của lớp 7A: lần 1, lần 2, lần 3, lần 4. Hãy cho biết số học sinh đạt điểm giỏi ở lần kiểm tra thứ tư.



A. 7

B. 8

C. 9

D. 12

II. TỰ LUẬN

Bài 1. (0,5 điểm) [NB - TL1] Tìm số đối của các số thực sau : $-\frac{5}{7}$; $\sqrt{20}$

Bài 2. (0,5 điểm) [NB - TL2] Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Nếu một đường thẳng cắt một trong hai đường thẳng song song thì nó cắt đường thẳng còn lại”.

Bài 3. (0,75 điểm) [TH - TL3] Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{-5}{3}\right)^8 \cdot \left(\frac{-5}{3}\right)$; b) $(8,5)^{13} : (8,5)^6$; c) $\left[\left(\frac{-7}{11}\right)^5\right]^6$

Bài 4. (0,75 điểm) [TH - TL4] Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)

- a) $\sqrt{11}$ b) $\sqrt{113}$ c) $\sqrt{2021}$

Bài 5. (1,0 điểm) [VD - TL7]

- a) Tính: $\frac{-8}{15} \cdot \frac{5}{13} - \frac{8}{15} : \frac{13}{8}$ b) Tìm x, biết: $\frac{7}{4} - \frac{3}{5}x = \frac{1}{5}$

Bài 6. (0,5 điểm) [VD - TL8] Làm tròn số 58,42 với độ chính xác $d = 0.05$.

Bài 7. (0,75 điểm) [TH - TL6] Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Bảng 1:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Tổng số học sinh Nữ 20 (HS)	15	5	1	1

Bảng 2:

Bảng dữ liệu về số loại xe gửi trong nhà xe của chung cư A		
Loại xe	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Xe đạp	22	12%
Xe gắn máy	145	80%
Ô tô	15	18%
Tổng	182	110%

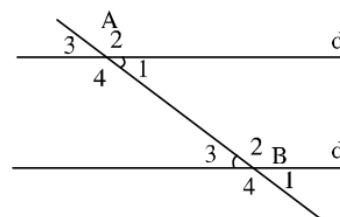
Bài 8. (0,5 điểm) [VD - TL9] Theo thống kê cuối kì I của lớp 7A về xếp loại hạnh kiểm của học sinh **Nữ** cho bởi bảng sau:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Số học sinh được đánh giá	15	5	1	1

- a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
b) Dữ liệu trên có đại diện xếp loại hạnh kiểm của học sinh lớp 7A hay không ? Vì sao ?

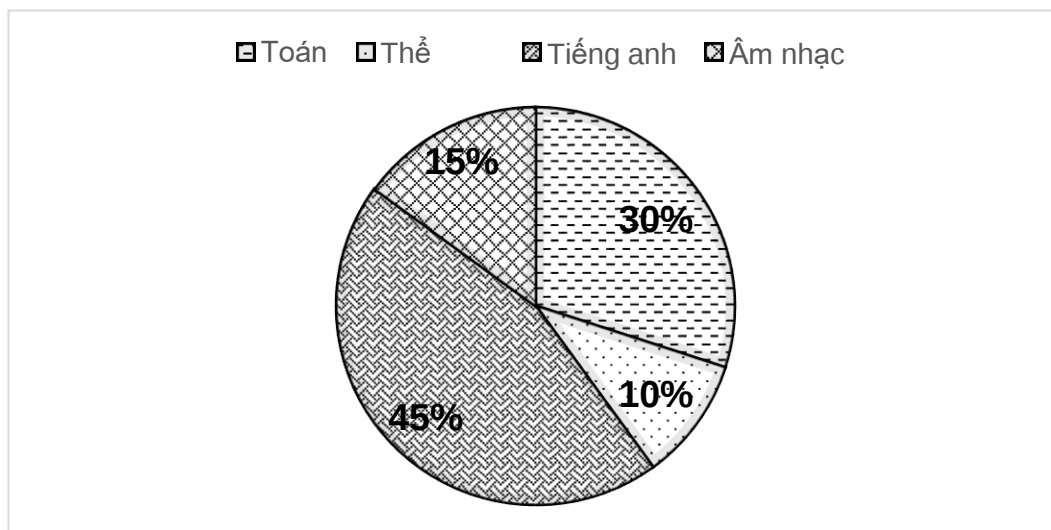
Bài 9: (0,75 điểm) [TH - TL5]

Quan sát hình vẽ bên, biết $A_1 = 38^\circ$; $B_3 = 38^\circ$. Giải thích vì sao $d // d'$.



Bài 10: (1,0 điểm) [VDC - TL10] Kết quả điều tra sự yêu thích các môn học của 500 em học sinh lớp 7 được cho trên biểu đồ hình quạt bên. Hãy cho biết có bao nhiêu học sinh:

- a) Yêu thích môn Toán ?
b) Yêu thích môn âm nhạc ?



..... Hết

ĐỀ 11. TRƯỜNG THCS ĐỖ VĂN DẬY

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm):

Câu 1. Căn bậc hai số học của 16 là :

- A. 8 B. -4 C. 4 D. -8

Câu 2. Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. $\frac{9}{5}$ B. $-\sqrt{7}$ C. 3,8 D. 0

Câu 3. Cho $|x| = 1\frac{2}{3}$ thì giá trị của x là :

- A. $x = 1\frac{2}{3}$ B. $x = -1\frac{2}{3}$ C. $x = 1$ hoặc $x = -1$ D. $x = 1\frac{2}{3}$ hoặc $x = -1\frac{2}{3}$

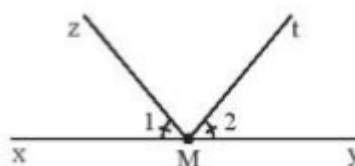
Câu 4. Số nào sau đây là số thập phân vô hạn không tuần hoàn:

- A. 0,23 B. 0,1245 C. 0,232323... D. 3,1415926535...

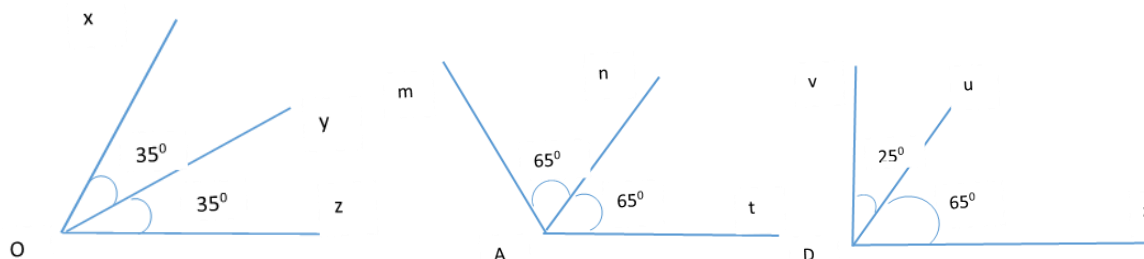
Câu 5.

Góc kề bù với góc yMt là:

- A. Góc zMt B. Góc xMt.
C. Góc zMy. D. Góc xMz.



Câu 6.



Trong các hình vẽ trên:

A. Oy là tia phân giác của góc xOz.

B. An là tia phân giác của góc TAm.

C. Du là tia phân giác của góc vDz.

D. Ba câu A, B, C đều đúng.

Câu 7. Qua điểm Mđường thẳng a chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng a. Hãy điền vào chỗ “....” để được khẳng định đúng.

A. nằm ngoài .

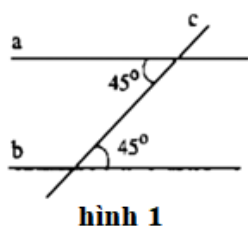
B. nằm trên.

C. nằm trong.

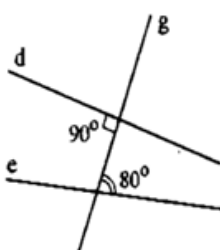
D. không nằm ngoài.

Câu 8.

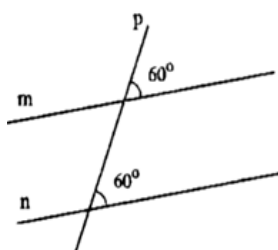
Hình vẽ nào sau đây **không** có hai đường thẳng song song?



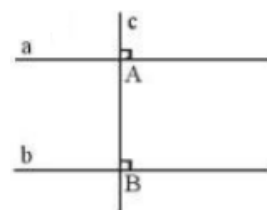
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

A. hình 1.

B. hình 4.

C. hình 3.

D. hình 2.

Câu 9.

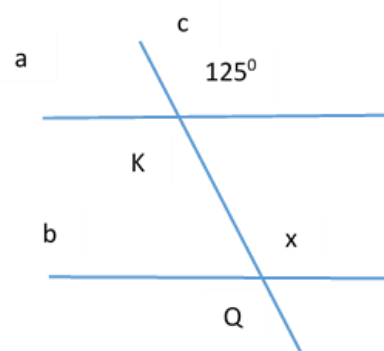
Cho hình vẽ bên, biết $u \parallel v$. Số đo x là:

A. 121° .

B. 125° .

C. 25°

D. 250° .



Câu 10. Khẳng định nào sau đây là sai:

A. Định lí thường được phát biểu ở dạng “Nếu ... thì ...”

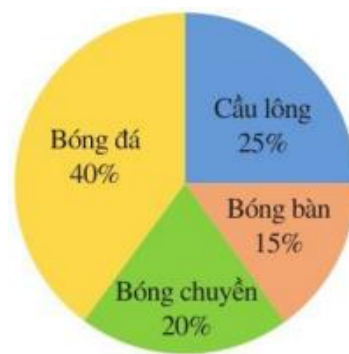
B. Phần nằm giữa từ “Nếu” và từ “thì” là phần giả thiết, phần nằm sau từ “thì” là phần kết luận.

C. Chứng minh định lí là một tiến trình lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận là đúng.

D. Chứng minh định lí là một tiến trình lập luận để từ kết luận dẫn ra giả thiết là đúng.

Câu 11.

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Cầu lông, Bóng bàn, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở trường A.



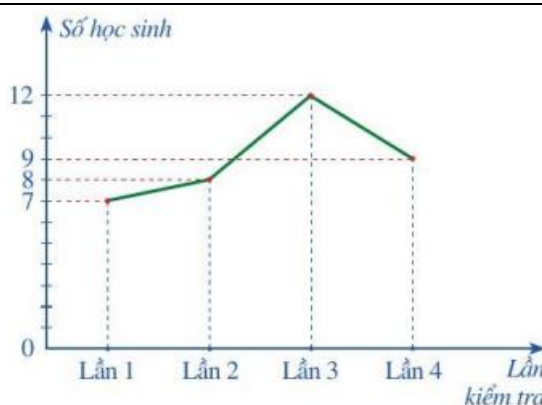
Mỗi học sinh chỉ được chọn một môn thể thao khi được hỏi ý kiến. Hỏi số học sinh chọn môn Bóng chuyền và Cầu lông chiếm bao nhiêu phần trăm?

- A. 40% B. 65% C. 45% D. 55%

Câu 12.

Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn số học sinh đạt điểm giỏi trong bốn lần kiểm tra môn Toán của lớp 7A: lần 1, lần 2, lần 3, lần 4. Hãy cho biết số học sinh đạt điểm giỏi ở lần kiểm tra thứ ba.

- A. 7 B. 8 C. 9 D. 12

**Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):**

Bài 1. (0,5 điểm) Tìm số đối của các số thực sau : $-\frac{6}{7}$; $\sqrt{7}$

Bài 2. (0,5 điểm) Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng còn lại .”

Bài 3. (0,75 điểm) Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $2^3 \cdot 2^5$; b) $(-\frac{4}{7})^7 : (-\frac{4}{7})^4$; c) $[(\frac{2}{3})^3]^4$

Bài 4. (0,75 điểm) Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)

a) $\sqrt{5}$ b) $\sqrt{110}$ c) $\sqrt{1327}$

Bài 5. (1,0 điểm)

a) Tính: $\frac{4}{9} \cdot \frac{13}{5} - \frac{4}{9} \cdot \frac{-3}{5}$; b) Tìm x, biết: $0,5x + \frac{2}{7} = \frac{1}{21}$

Bài 6. (0,5 điểm) Làm tròn số 634755 với độ chính xác d = 70.

Bài 7. (0,75 điểm) Xét tính chưa hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Bảng 1.

Loại sách	Tỉ số phần trăm
Sách giáo khoa	45%
Truyện tranh	20%
Sách tham khảo	15%
Các loại sách khác	40%

Bảng 2.

Loại xe	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Xe đạp	22	12%
Xe gắn máy	145	80%
Ô tô	15	18%
Tổng	182	120%

Bài 8. (0,5 điểm) Kết quả tìm hiểu về khả năng bơi lội của các bạn học sinh

lớp 7C được cho bởi bảng thống kê sau:

Khả năng bơi	Chưa biết bơi	Biết bơi	Bơi giỏi
Số bạn nam	5	8	4

a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

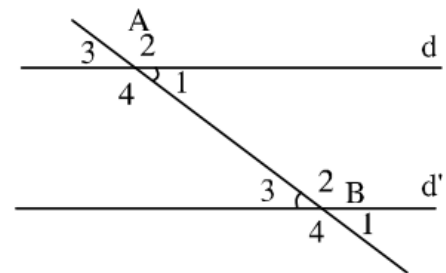
b) Dữ liệu trên có đại diện cho khả năng bơi lội của các bạn học sinh lớp 7C hay không?

Vì sao?

Bài 9. (0,75 điểm)

Quan sát hình vẽ bên, biết $\widehat{A_2} = 120^\circ$, $\widehat{B_2} = 120^\circ$

Giải thích vì sao $d \parallel d'$.

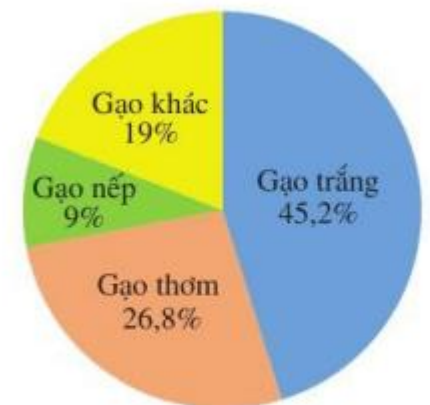


Câu 10. (1,0 điểm) Năm 2020, Việt Nam xuất khẩu (ước đạt) 6,5 triệu tấn gạo, thu được 3,07 tỉ đô la Mỹ. Biểu đồ hình quạt tròn ở Hình 21 biểu diễn khối lượng xuất khẩu của mỗi loại gạo trong tổng số gạo xuất khẩu (tính theo tỉ số phần trăm).

Dựa vào thông tin thu thập từ biểu đồ trên để trả lời các câu hỏi sau:

a) Tính số lượng gạo trắng và số lượng gạo nếp được xuất khẩu năm 2020?

b) Số lượng gạo trắng xuất khẩu nhiều hơn số lượng gạo thơm bao nhiêu tấn?



(Nguồn: Báo cáo của Bộ Công thương năm 2020)

..... Hết

ĐỀ 12. TRƯỜNG THCS LÝ CHÍNH THẮNG 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Câu 1: (0,25 điểm) Căn bậc hai số học của 100 là:

- A. 10 B. 15 C. - 6 D. - 18

Câu 2: (0,25 điểm) Tập hợp số thực được kí hiệu là:

- A. $\mathbb{Z}$ B. $\mathbb{N}$ C. $\mathbb{R}$ D. $\mathbb{Q}$

Câu 3: (0,25 điểm) Tính $|-5| =$

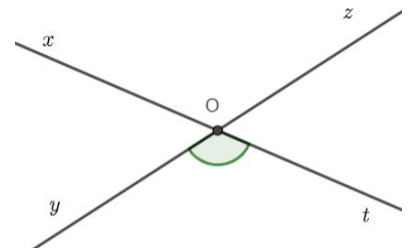
- A. $\frac{2}{3}$ B. 5 C. -5 D. $\sqrt{5}$

Câu 4: (0,25 điểm) Số $\pi = 3,14159265\dots$ là:

- A. Số thập phân vô hạn không tuần hoàn B. Số thập phân hữu hạn
C. Số thập phân vô hạn tuần hoàn D. Số hữu tỉ

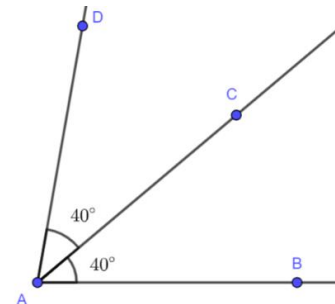
Câu 5: (0,25 điểm) Quan sát hình bên và cho biết: góc đối đỉnh với $\widehat{yOt}$ là:

- A. $\widehat{yOx}$ B. $\widehat{xOz}$
C. $\widehat{zOt}$ D. $\widehat{xOt}$



Câu 6: (0,25 điểm) Quan sát hình vẽ và chọn phát biểu đúng:

- A. AB là tia phân giác của $\widehat{CAD}$
B. AD là tia phân giác của $\widehat{CAB}$
C. AC là tia phân giác của $\widehat{DAB}$
D. CA là tia phân giác của $\widehat{BAC}$



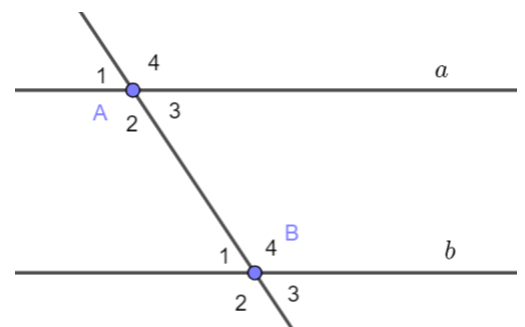
Câu 7: (0,25 điểm) Cho hình vẽ, có bao nhiêu đường thẳng đi qua A và song song với đường thẳng d

- A. vô số B. chỉ có một
C. chỉ có hai D. không có đường thẳng nào

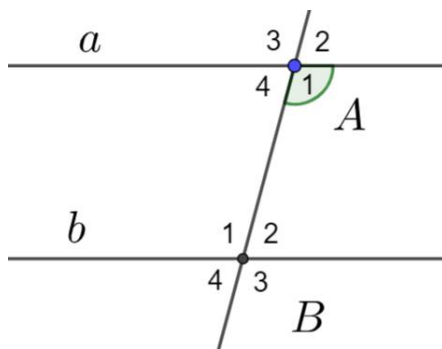


Câu 8: (0,25 điểm) Cho hình vẽ, biết đường thẳng a song song với đường thẳng b, khẳng định nào sau đây đúng:

- A. $\widehat{A_1} = \widehat{B_1}$ B. $\widehat{A_2} = \widehat{B_1}$
C. $\widehat{A_3} = \widehat{B_4}$ D. $\widehat{A_4} = \widehat{B_1}$



Câu 9: (0,25 điểm) Cho hình vẽ, biết $a \parallel b$ và $\widehat{A_1} = 105^\circ$ hãy cho biết số đo góc $\widehat{B_1}$:



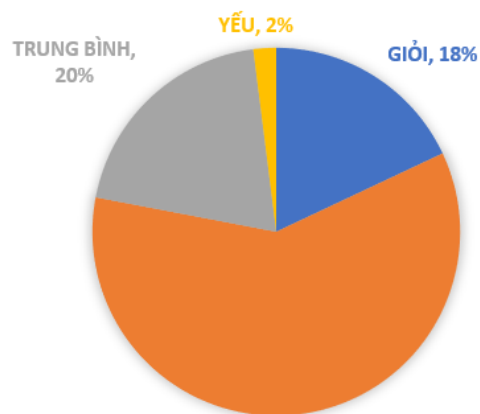
- A. $\widehat{B_1} = 75^\circ$ B. $\widehat{B_1} = 85^\circ$ C. $\widehat{B_1} = 95^\circ$ D. $\widehat{B_1} = 105^\circ$

Câu 10: (0,25 điểm) Điền vào chỗ chấm: “ là dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.”

- A. Chứng minh định lí B. “Nếu ... thì ...”
C. Bác bỏ định lí D. Định lí

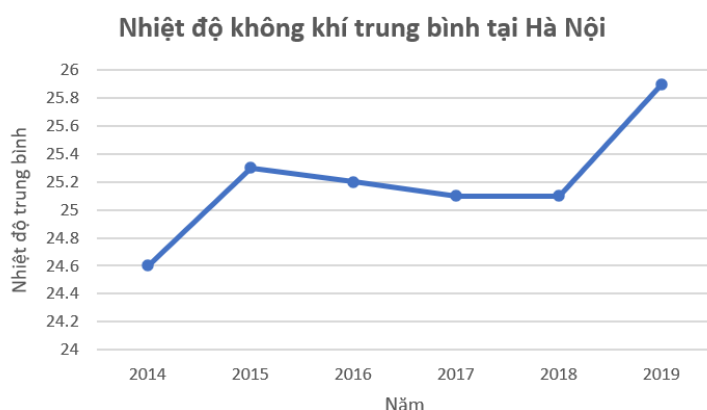
Câu 11: Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) học lực của các em học sinh lớp 7A. Hỏi số học sinh lớp 7A có học lực trên trung bình chiếm bao nhiêu phần trăm?

- A. 20 % B. 22%
C. 98% D. 78%



Câu 12: (0,25 điểm) Biểu đồ đoạn thẳng ở hình bên biểu diễn nhiệt độ không khí trung bình tại Hà Nội (tính theo độ C) qua các năm từ năm 2014 đến năm 2019. Hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình tại Hà Nội năm 2016 là bao nhiêu?

- A. 25°C B. $25,2^\circ\text{C}$
C. $25,4^\circ\text{C}$ D. $26,6^\circ\text{C}$



II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (0,5 điểm) Tìm số đối của các số thực sau: $-\frac{3}{7}$; $\sqrt{2023}$

Bài 2. (0,5 điểm) Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng còn lại”

Bài 3. (0,75 điểm) Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $5^9 \cdot 5^{21}$ b) $(5,3)^{15} : (5,3)^5$ c) $\left[\left(\frac{-4}{5} \right)^3 \right]^{10}$

Bài 4. (0,75 điểm) Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai):

a) $\sqrt{5}$ b) $\sqrt{17}$ c) $\sqrt{135}$

Bài 5. (1,0 điểm)

a) Tính: $\frac{3}{5} \cdot \frac{5}{13} + \frac{3}{5} : \frac{13}{6}$ b) Tìm x, biết: $\frac{2}{5} - \frac{1}{3}x = \frac{-3}{4}$

Bài 6: (0,5 điểm) Làm tròn số 123 154 691 với độ chính xác d = 500.

Bài 7: (0,75 điểm) Xét tính hợp lí của dữ liệu trong bảng thống kê sau:

BẢNG THỐNG KÊ CÁC LOẠI SÁCH TRONG THƯ VIỆN

Loại sách	Số lượng trong kho (quyển)	Tỉ lệ phần trăm	Số lượng đã cho mượn từ kho (quyển)
Truyện tranh	200	20%	120
Sách tham khảo	300	30%	350
Sách giáo khoa	400	40%	145
Chủ đề khác	100	110%	50
Tổng	1000	200%	665

Bài 8: (0,5 điểm) Bình khảo sát khả năng chơi cờ tướng của các bạn học sinh Khối 7 trong trường THCS Lý Chính Thắng 1 và thu được bảng thống kê sau:

Khả năng chơi cờ	Chưa biết chơi	Mới biết chơi	Chơi khá	Chơi giỏi
Số lượng học sinh	130	92	76	42

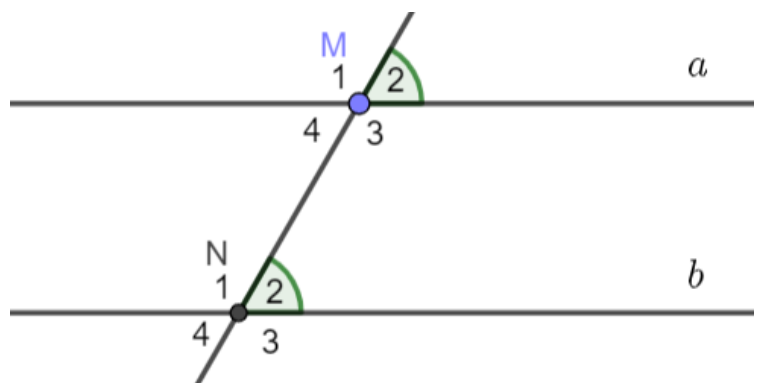
a) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

b) Dữ liệu trên có đại diện cho khả năng chơi cờ tướng của học sinh trường THCS Lý Chính Thắng 1 được hay không? Vì sao?

Bài 9: (0,75 điểm) Quan sát hình bên,

Biết $\widehat{M}_2 = 60^\circ$ và $\widehat{N}_2 = 60^\circ$

Giải thích vì sao $a \parallel b$

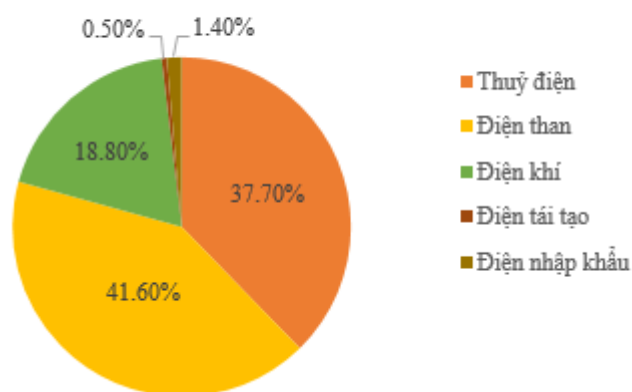


Câu 10: (1,0 điểm) Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên cho biết sản lượng điện theo nguồn của Việt Nam năm 2019 (tính theo tỉ số phần trăm).

a) Biết tổng sản lượng điện của Việt Nam năm 2019 là 240,1 tỷ kWh. Em hãy cho biết năm 2019 Việt Nam đã sản xuất bao nhiêu tỷ kWh điện từ các nhà máy thủy điện.

b) Nêu một số biện pháp tiết kiệm điện sinh hoạt của em và lợi ích của việc tiết kiệm điện đối với môi trường.

Sản lượng điện theo nguồn của Việt Nam năm 2019



HẾT

ĐỀ 13. TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính $-\frac{5}{7} \cdot 2,1$ là:

A. $\frac{3}{2}$

B. $-\frac{3}{2}$

C. $\frac{2}{3}$

D. $-\frac{2}{3}$

Câu 2. Số x^9 *không phải* kết quả của phép tính nào sau đây:

A. $x^{10} : x$ ($x \neq 0$)

B. $x^5 \cdot x^4$

C. $x^3 \cdot x^3$

D. $x^3 \cdot x^3$

Câu 3. Căn bậc hai số học của 36 là

A. 6

B. ± 6

C. 18

D. 72

Câu 4. Số nào sau đây là số vô tỉ:

A. $\sqrt{5}$

B. $\sqrt{25}$

C. $-2, (45)$

D. $\frac{-2}{3}$

Câu 5. Làm tròn số 3167,0995 đến hàng phần nghìn là:

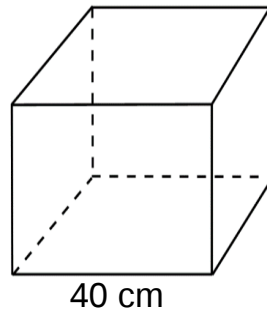
A. 3167,099

B. 3 000

C. 3167

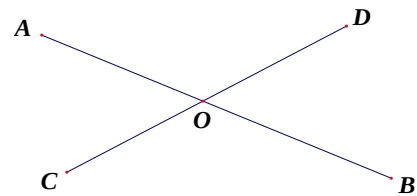
D. 3167,1

Câu 6. Cho hình lập phương có các kích thước như hình vẽ. Diện tích xung quanh của hình lập phương đó là



- A. 6400cm^2 B. 160cm^2 C. 9600cm^2 D. 64000cm^2

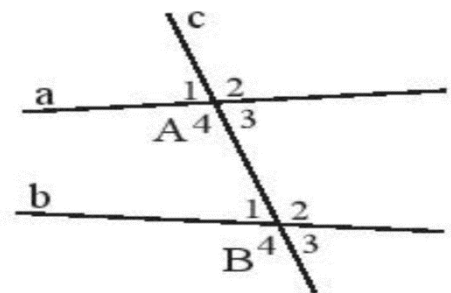
Câu 7. Cho hình vẽ sau, góc đối đỉnh với $\angle AOC$ là



- A. $\angle COB$ B. $\angle AOD$ C. $\angle AOB$ D. $\angle BOD$

Câu 8: Hãy chọn *câu sai*:

- A. $\widehat{A_3}$ và $\widehat{B_1}$ là hai góc so le trong.
 B. $\widehat{A_3}$ và $\widehat{B_3}$ là hai góc đồng vị.
 C. $\widehat{A_3}$ và $\widehat{B_4}$ là hai góc so le trong.
 D. $\widehat{A_2}$ và $\widehat{A_4}$ là hai góc đối đỉnh.



Hình 1

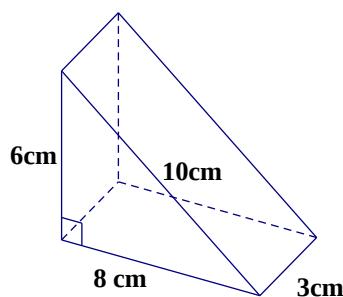
Câu 9. Biết $x^2 = 49$ thì x bằng:

- A. $x = \sqrt{49}$ hoặc $x = \sqrt{-49}$. B. $x = \sqrt{49}$.
 C. $x = 7$. D. $x = 7$ hoặc $x = -7$.

Câu 10. Nếu $\sqrt{x} = 8$ thì $x = ?$

- A. -8 B. 64 C. 8 D. 16

Câu 11. Một cái bánh ngọt có dạng hình lăng trụ đứng tam giác, kích thước như hình vẽ. Thể tích cái bánh là:



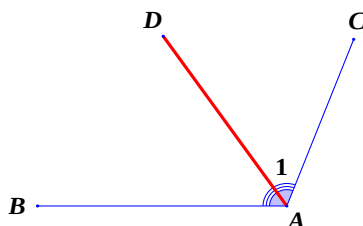
A. 72cm^3

B. 48m^3

C. 120cm^3

D. 144cm^3

Câu 12. Cho hình vẽ, biết $\widehat{BAC} = 110^\circ$, AD là tia phân giác của $\widehat{BAC}$. Tính số đo A_1



A. $A_1 = 220^\circ$

B. $A_1 = 55^\circ$

C. $A_1 = 75^\circ$

D. $A_1 = 50^\circ$

B. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (0,5 điểm) Tìm số đối của các số thực sau: $-\frac{2}{3}$; $\sqrt{2023}$

Bài 2. (0,5 điểm) Viết giả thiết, kết luận của định lý “Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau” (bằng kí hiệu)

Bài 3. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $0,5 - \left(-\frac{3}{2}\right)$

b) $\frac{9^{15} \cdot 8^{11}}{3^{29} \cdot 16^8}$

Bài 4. (1,0 điểm) Tìm x biết

a) $\frac{1}{2}x - 2 = 3$

b) $\frac{1}{4}x^2 - \sqrt{36} = 10$

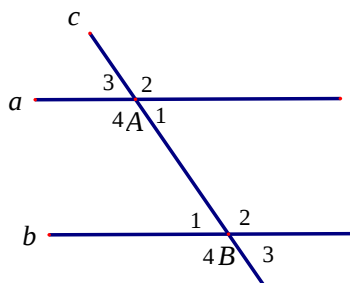
Bài 5. (1,0 điểm) Cho hình vẽ bên:

Biết $a \parallel b$, $\widehat{A_2} = 115^\circ$.

a) Tính $\widehat{B_1}; \widehat{B_2}$

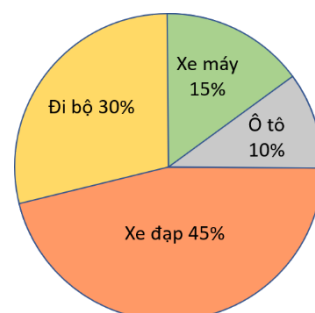
b) Vẽ đường thẳng $d \perp a$ tại H.

Chứng minh $d \perp b$



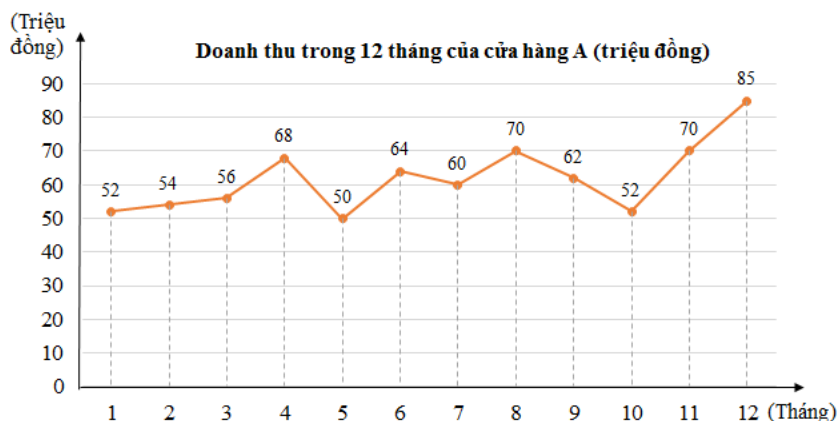
Câu 6. (0,5 điểm) Tỷ lệ phần trăm các phương tiện được sử dụng để đến trường của các em học sinh của một trường học.

Hãy lập bảng thống kê tương ứng



Câu 7. (0,5 điểm) Một nhà sản xuất quyết định giảm giá 8% cho 1 dòng máy tính bảng. Hỏi giá của máy tính bảng sau khi giảm giá là bao nhiêu biết rằng giá gốc của máy tính là 5 000 000 đồng.

Câu 8. (0,5 điểm) Quan sát biểu đồ sau rồi trả lời câu hỏi:



- Tháng nào cửa hàng có doanh thu nhiều nhất?
- Vào tháng 4 doanh thu của cửa hàng là bao nhiêu?

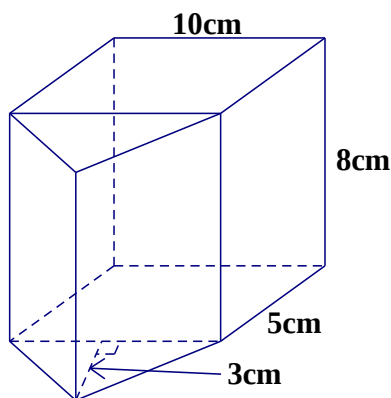
Câu 9. (0,5 điểm) Lớp trưởng khảo sát về các thể loại phim được yêu thích của các bạn trong lớp 7A và thu được bảng thống kê sau:

Thể loại phim	Hành động	Khoa học viễn tưởng	Hoạt hình	Hài
Số lượng bạn yêu thích	7	8	15	10

Từ bảng thống kê trên hãy cho biết:

- Lớp 7A có bao nhiêu học sinh tham gia cuộc khảo sát?
- Tính tỉ lệ % của số bạn yêu thích phim hài.

Câu 10. (1,0 điểm) Một vật thể có hình dạng như hình bên. Tính thể tích của vật đó.



---HẾT---

ĐỀ 14. TRƯỜNG THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm):

Câu 1. Căn bậc hai số học của 81 là :

- A. 9 B. -9 C. 18 D. -8

Câu 2. Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. $\frac{7}{3}$ B. $-\sqrt{5}$ C. 0 D. 7,5

Câu 3. Cho $|x| = 4$ thì giá trị của x là :

- A. $x = 4$ B. $x = -4$ C. $x = 2$ hoặc $x = -2$ D. $x = 4$ hoặc $x = -4$

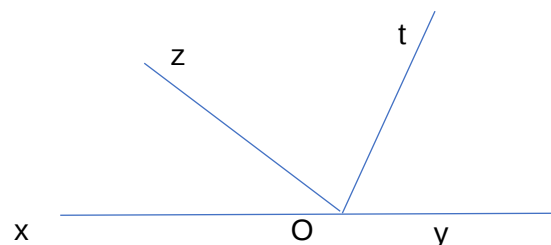
Câu 4. Số nào sau đây là số thập phân vô hạn không tuần hoàn:

- A. 0,3 B. 0,125 C. 0,15151515... D. 0,5011121314...

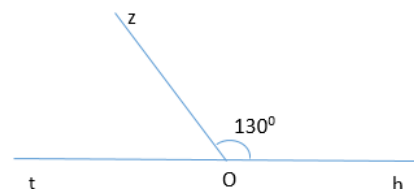
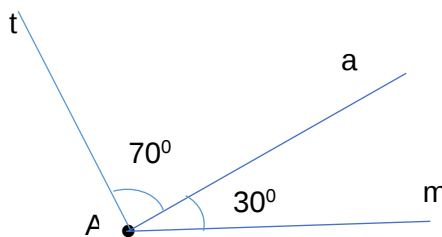
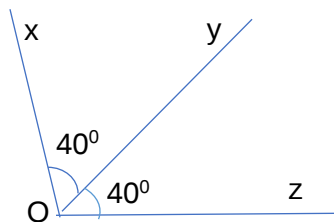
Câu 5.

Góc kề bù với góc xOz là:

- A. Góc zOt B. Góc zOy.
C. Góc yOx. D. Góc tOy.



Câu 6.



Trong các hình vẽ trên:

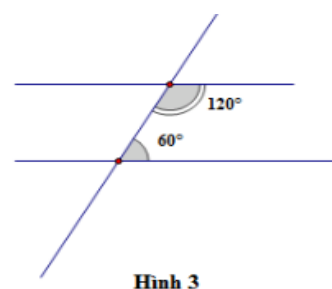
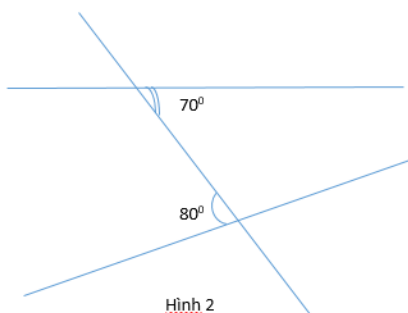
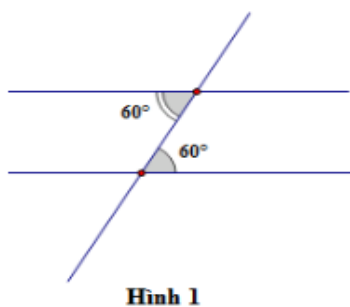
- A. Oy là tia phân giác của góc xOz. B. Aa là tia phân giác của góc tAm.
C. Oz là tia phân giác của góc tOh . D. Ba câu A, B, C đều đúng.

Câu 7. Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với đường thẳng thứ ba thìvới nhau.
Hãy điền vào chỗ “....” để được khẳng định đúng.

- A. Song song. B. Vuông góc. C. Cắt nhau. D. Trùng nhau.

Câu 8.

Hình vẽ nào sau đây **không** có hai đường thẳng song song?

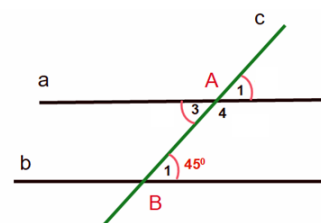


- A. hình 1. B. hình 2. C. hình 3. D. Cả ba hình.

Câu 9.

Cho hình vẽ bên, biết $a \parallel b$. Số đo A_3 là:

- A. 51° . B. 50° . C. 45° D. 135° .



Câu 10. Trong các câu sau, câu nào cho một định lý:

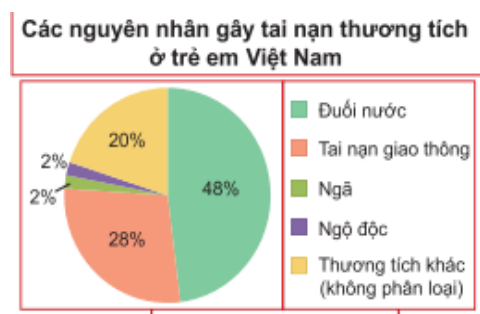
- A. Nếu hai đường thẳng cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì hai đường thẳng đó song song.
 B. Đường thẳng nào vuông góc với một trong hai đường thẳng cắt nhau thì song song với đường thẳng kia.
 C. Nếu hai đường thẳng và cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì hai đường thẳng đó song song.
 D. Đường thẳng nào vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì vuông góc với đường thẳng kia.

Câu 11.

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) các nguyên nhân gây tai nạn thương tích ở trẻ em Việt nam như: Đuối nước, tai nạn giao thông, ngã, ngộ độc, thương tích khác..

Mỗi trẻ em chỉ bị một loại tai nạn khi điều tra. Hỏi số trẻ em bị đuối nước và ngộ độc chiếm bao nhiêu phần trăm?

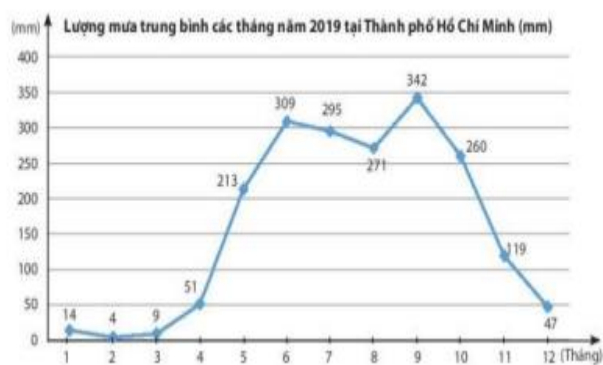
- A. 50% B. 76% C. 68% D. 30%



Câu 12.

Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn lượng mưa trung bình các tháng năm 2019 tại Thành phố Hồ Chí Minh (mm) . Hãy cho biết tổng lượng mưa của tháng 4 và tháng 12 là bao nhiêu mm.

- A. 55 B. 56 C. 98
D. 264



Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):

Bài 1. (0,5 điểm) Tìm số đối của các số thực sau : $-\frac{7}{8}$; $\sqrt{17}$

Bài 2. (0,5 điểm) Viết giả thiết, kết luận của định lí: “ Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng còn lại.”

Bài 3. (0,75 điểm) Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{4}{3}\right)^3 \cdot \left(\frac{4}{3}\right)$; b) $(-12,3)^9 : (-12,3)^5$; c) $\left[\left(-\frac{1}{5}\right)^3\right]^5$

Bài 4. (0,75 điểm) Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)

a) $\sqrt{11}$ b) $\sqrt{130}$ c) $\sqrt{2026}$

Bài 5. (1,0 điểm)

a) Tính: $\frac{-7}{3} \cdot \frac{5}{13} - \frac{7}{3} : \frac{13}{8}$; b) Tìm x, biết: $\frac{5}{3}x - \frac{3}{4} = \frac{-3}{2}$

Bài 6. (0,5 điểm) Làm tròn số 234 755 với độ chính xác 70.

Bài 7. (0,75 điểm) Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Bảng 1.

Số cây được trồng trong nhà vườn C		
Loại cây được trồng	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Sầu riêng	50	15%
Mãng cầu	150	38%
Chôm chôm	200	50%
Tổng	400	103%

Bảng 2.

Lớp	Sĩ số	Số học sinh tham gia chạy việt dã
7A1	40	12
7A2	38	8
7A3	32	40
7A4	40	25
7A5	35	10
Tổng	185	70

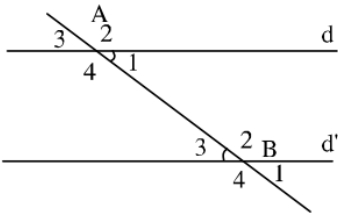
Bài 8. (0,5 điểm) Kết quả tìm hiểu về khả năng bơi lội của các bạn học sinh lớp 7C được cho bởi bảng thống kê sau:

Khả năng bơi	Chưa biết bơi	Biết bơi	Bơi giỏi
Số bạn nam	5	8	4

- Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
- Dữ liệu trên có đại diện cho khả năng bơi lội của các bạn học sinh lớp 7C hay không? Vì sao?

Bài 9. (0,75 điểm)

Quan sát hình vẽ bên, biết $A_1 = 40^\circ$; $B_3 = 40^\circ$ Giải thích vì sao $d \parallel d'$.



Bài 10. (1,0 điểm)

Tổng lượng khí nhà kính đến từ các hoạt động và lĩnh vực kinh doanh ở Singapore vào năm 2020 là (khoảng) 77.2 triệu tấn khí carbonic tương đương. Biểu đồ hình quạt tròn ở Hình 30 biểu diễn lượng phát thải khí nhà kính ở từng lĩnh vực của Singapore vào năm 2020 (tính theo tỉ số phần trăm).



- Lĩnh vực nào chiếm tỉ lệ lớn nhất trong việc tạo ra khí nhà kính ở Singapore vào năm 2020?
- Tính lượng khí nhà kính được tạo ra ở từng hoạt động và lĩnh vực của Singapore vào năm 2020, và Hoàn thành số liệu ở bảng sau:

Hoạt động, lĩnh vực	Công nghiệp	Xây dựng	Vận tải	Hộ gia đình	Hoạt động và các lĩnh vực khác
Lượng khí nhà kính (triệu tấn)	?	?	?	?	?

ĐỀ 15. TRƯỜNG THCS TÔ KÝ

I/ TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào đáp án mà em cho là phù hợp nhất với từng câu hỏi.

Câu 1. Căn bậc hai số học của 9 là

- A. 81 B. -81 C. 3 D. -3

Câu 2. Khẳng định nào dưới đây là đúng?

- A. $7,6(3) \in \mathbb{I}$ B. $\sqrt{8} \in \mathbb{Q}$ C. $2,37485... \in \mathbb{I}$ D. $12 \notin \mathbb{R}$

Câu 3. Khẳng định nào dưới đây là sai?

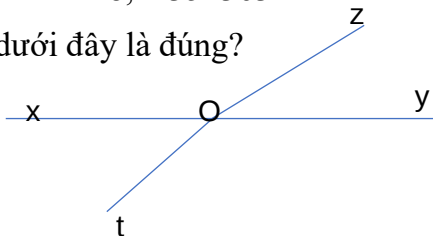
- A. $|\sqrt{3}| = \sqrt{3}$ B. $\left|\frac{3}{7}\right| = \frac{3}{7}$ C. $|-5,276...| = 5,276...$ D. $|11,8(3)| = -11,8(3)$

Câu 4. Số nào dưới đây là số thập phân vô hạn tuần hoàn?

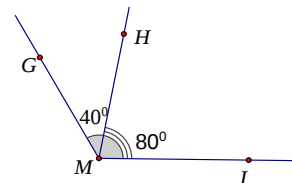
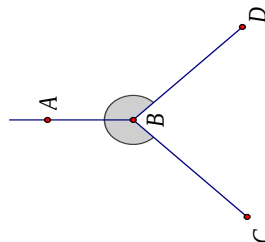
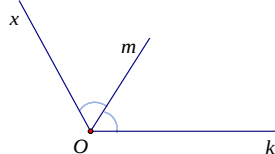
- A. 20,7172737475... B. 4,555
C. 9,317385385385385.... D. 18,423523632...

Câu 5. Cho hình vẽ. Khẳng định nào dưới đây là đúng?

- A. $\angle xOt$ kề bù với $\angle xOz$
B. $\angle xOz$ kề bù với $\angle zOy$
C. $\angle tOy$ đối đỉnh với $\angle xOz$
D. $\angle xOt$ đối đỉnh với $\angle yOz$



Câu 6. Cho ba hình vẽ.



Khẳng định nào dưới đây là đúng?

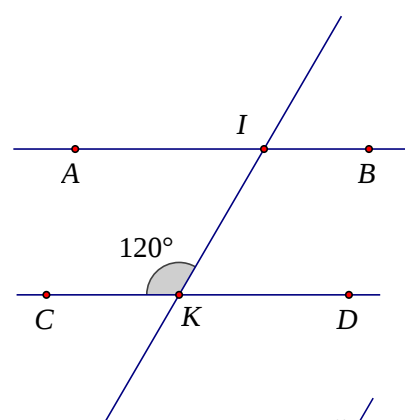
- A. Om là tia phân giác của $\angle xOk$
B. BA là tia phân giác của $\angle CBD$
C. MH là tia phân giác của $\angle GMI$
D. BD là tia phân giác của $\angle ABC$

Câu 7. Phát biểu nào sau đây là đúng với tiên đề Ôclit ?

- A. Qua hai điểm A, B nằm ngoài đường thẳng d chỉ có một đường thẳng đi qua hai điểm A, B và song song với đường thẳng d.
B. Qua một điểm A nằm ngoài đường thẳng d chỉ có một đường thẳng đi qua A và song song với đường thẳng d.
C. Qua một điểm A nằm ngoài đường thẳng d có vô số đường thẳng đi qua A và song song với đường thẳng d.
D. Qua một điểm A nằm ngoài đường thẳng d không có đường thẳng nào đi qua A và song song với đường thẳng d.

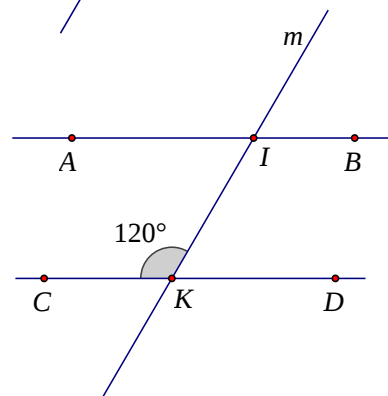
Câu 8. Cho hình vẽ, biết $AB \parallel CD$. Giải thích vì sao $KIB = 120^\circ$

- A. Vì $AB \parallel CD$ và KIB đồng vị với CKI
- B. Vì $AB \parallel CD$ và KIB kề với CKI
- C. Vì $AB \parallel CD$ và KIB đối đỉnh với CKI
- D. Vì $AB \parallel CD$ và KIB so le trong với CKI



Câu 9. Cho hình vẽ, biết $AB \parallel CD$. Giải thích vì sao $AIK = 120^\circ$

- A. Vì $AB \parallel CD$ và AIK đồng vị với CKI
- B. Vì $AB \parallel CD$ và AIK kề bù với CKI
- C. Vì $AB \parallel CD$ và AIK đối đỉnh với CKI
- D. Vì $AB \parallel CD$ và AIK so le trong với CKI



Câu 10. Phát biểu nào dưới đây là chưa đúng?

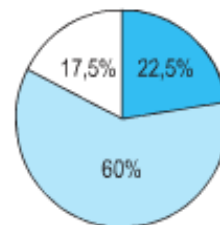
- A. Định lí là một khẳng định được suy ra từ những khẳng định được coi là đúng.
- B. Định lí thường được phát biểu ở dạng “Nếu ... thì ...”. Phần nằm giữa chữ “Nếu” và chữ “thì” là phần giả thiết, phần nằm sau chữ “thì” là phần kết luận.
- C. Chứng minh định lí là dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.
- D. Chứng minh định lí là một tiến trình lập luận để từ kết luận suy ra giả thiết.

Câu 11. Cho biểu đồ. Số học sinh giỏi và học sinh khá chiếm bao nhiêu phần trăm?

- A. 40%
- B. 82,5%
- C. 77,5%
- D. 42,5%

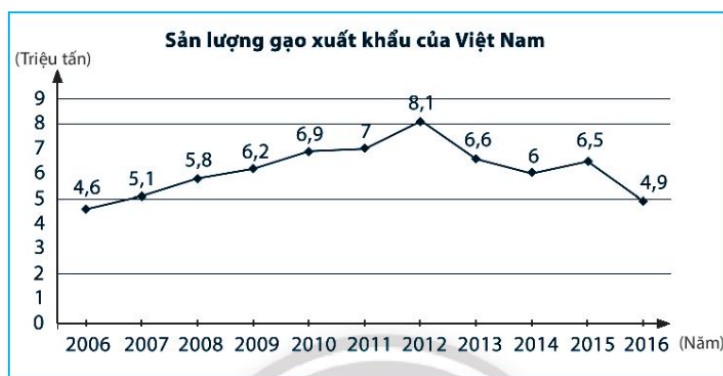
Kết quả học tập của học sinh lớp 5 ở một trường tiểu học.

- Học sinh giỏi
- Học sinh khá
- Học sinh trung bình



Câu 12. Cho biểu đồ dưới đây. Năm 2015, sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam là bao nhiêu?

- A. 6,5 nghìn tấn.
- B. 6,5 triệu tấn
- C. 6 triệu tấn
- D. 6,5 trăm tấn



II/ TỰ LUẬN.

Bài 1 (0,5đ). Tìm số đối của các số thực sau: $\frac{5}{9}$; $-\sqrt{21}$

Bài 2 (0,5đ). Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Nếu đường thẳng m cắt hai đường thẳng c, d tạo ra hai góc so le trong bằng nhau thì c và d song song với nhau.

Bài 3 (0,75đ). Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{-3}{8}\right)^{13} : \left(\frac{-3}{8}\right)^{11}$; b) $(-2,5).(-2,5)^3$; c) $\left[\left(-\frac{2}{3}\right)^4\right]^3$

Bài 4 (0,75đ). Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến chữ số hàng phần trăm)

a) $-\sqrt{28}$

b) $\sqrt{162}$

c) $\sqrt{11+8}$

Bài 5 (1đ).

a) Tính: $\frac{-12}{19} \cdot \frac{5}{8} - \frac{26}{19} : \frac{8}{5}$; b) Tìm x, biết: $\frac{13}{9} - \frac{6}{5} : x = \frac{7}{9}$

Bài 6 (0,5đ). Làm tròn số 327 185 437 với độ chính xác 500.

Bài 7 (0,75đ). Em hãy kiểm tra tính hợp lí của các dữ liệu trong bảng thống kê bên cạnh.

Kết quả kiểm tra giữa kỳ 1 môn toán của lớp 7A của một trường THCS

STT	Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Giỏi	10	22,22%
2	Khá	20	44,44%
3	Trung bình	10	22,22%
4	Yếu	5	33,33%
Tổng		54	120%

Bài 8 (0,5đ). Kết quả kiểm

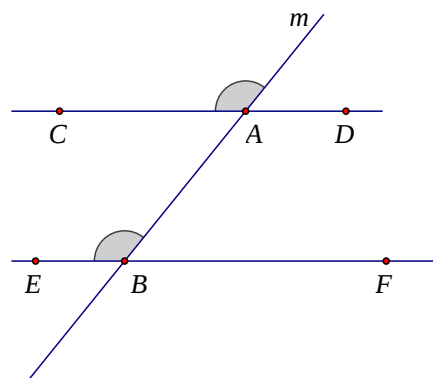
tra giữa kỳ 1 môn toán của lớp 7A của một trường THCS được thống kê ở bảng bên:

a) Em hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

b) Dữ liệu trên có đại diện cho kết quả học tập chung về môn toán của cả khối 7 của trường đó được không? Vì sao?

STT	Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Giỏi	10	22,22%
2	Khá	20	44,44%
3	Trung bình	10	22,22%
4	Yếu	5	11,11%
Tổng		45	100%

Bài 9 (0,75đ). Cho hình vẽ. Giải thích vì sao $CD \parallel EF$

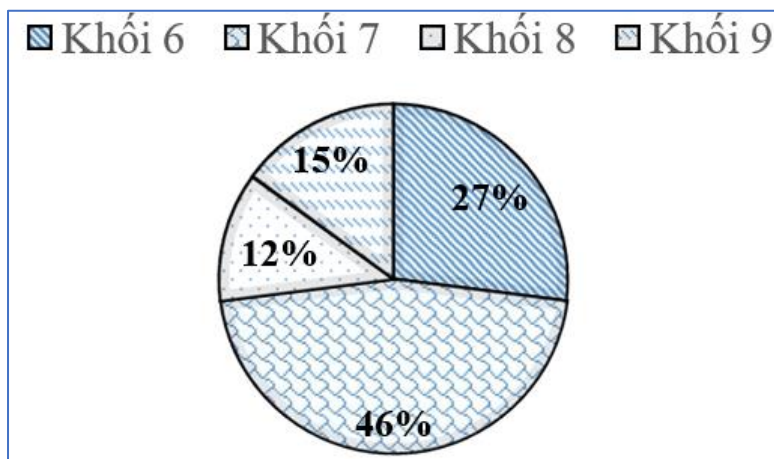


Bài 10 (1đ). Cho biểu đồ.

a) Hãy cho biết tỉ lệ phần trăm số học sinh đăng ký mua tấm ủng hộ của khối 6 nhiều hơn khối 8 là bao nhiêu?

b) Biết rằng khối 8 của trường có 600 học sinh và mới chỉ có 10% số học sinh tham gia mua tấm. Tính tổng số học sinh khối 7 và khối 9 đã tham gia mua tấm.

c) Số học sinh khối 7 tham gia mua tấm nhiều hơn số học sinh khối 6 tham gia mua tấm là bao nhiêu?



=== Hết ===

ĐỀ 16. TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1: Căn bậc hai số học của 144 là:

- A. 0 B. -12 C. 13 D. 12

Câu 2: Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. $-\frac{5}{3}$ B. $-\sqrt{3}$ C. 0 D. $-0,(3)$

Câu 3: Cho $|x| = \frac{1}{2}$ thì giá trị của x là:

- A. $x = \frac{1}{2}$ B. $x = -\frac{1}{2}$ C. $x = \frac{1}{4}$ hoặc $x = -\frac{1}{4}$ D. $x = \frac{1}{2}$ hoặc $x = -\frac{1}{2}$

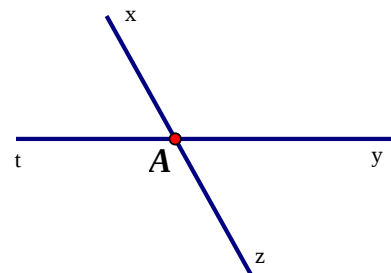
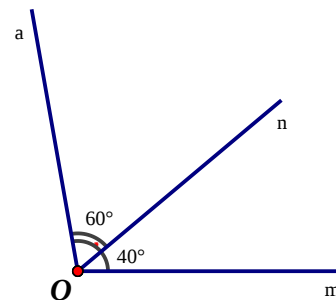
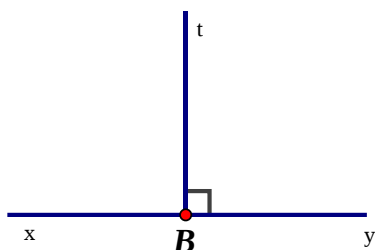
Câu 4: Số nào sau đây là số thập phân vô hạn không tuần hoàn:

- A. 0,8(3) B. -0,125 C. 1,414213562... D. 2,6121212...

Câu 5:

Góc đối đỉnh với góc xAt là:

- A. Góc zAt B. Góc xAy
C. Góc zAy D. Góc tAy

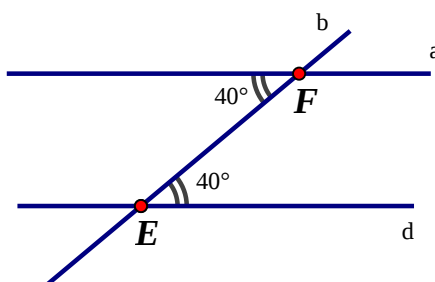
**Câu 6:**

Trong các hình vẽ trên, khẳng định đúng là:

- A. On là tia phân giác của góc aOm . B. Oa là tia phân giác của góc nOm .
C. Bt là tia phân giác của góc xBy . D. Bt là tia phân giác của góc xBy .

Câu 7. Qua một điểm nằm ngoài một đường thẳng đường thẳng song song với đường thẳng đó. Hãy điền vào chỗ “....” để được khẳng định đúng.

- A. có rất nhiều. B. có hai. C. không có. D. chỉ có một.

Câu 8:

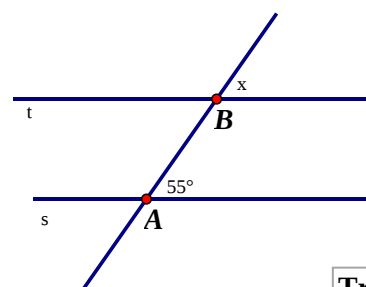
Cho hình vẽ bên, khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Đường thẳng a vuông góc đường thẳng d C. Đường thẳng b song song đường thẳng a.
B. Đường thẳng a song song đường thẳng d. D. Đường thẳng b song song đường thẳng d.

Câu 9:

Cho hình vẽ bên, biết $t \parallel s$. Số đo x là:

- A. 51° . B. 50° . C. 48° D. 55° .



Câu 10: Khẳng định nào sau đây là **sai**:

A. Định lí thường được phát biểu ở dạng “*Nếu ... thì ...*”

B. Phần nằm giữa từ “*Nếu*” và từ “*thì*” là phần kết luận, phần nằm sau từ “*thì*” là phần giả thiết.

C. Phần nằm giữa từ “*Nếu*” và từ “*thì*” là phần giả thiết, phần nằm sau từ “*thì*” là phần kết luận.

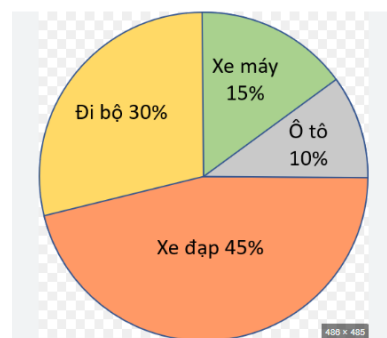
D. Chứng minh định lí là một tiến trình lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận là đúng.

Câu 11:

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê k (tính theo tỉ số phần trăm) phương tiện đi làm của 500 nhân viên của công ty A.

Mỗi nhân viên chỉ được chọn một loại phương tiện khi được hỏi ý kiến. Hỏi số nhân viên chọn đi bộ và đi xe máy chiếm bao nhiêu phần trăm?

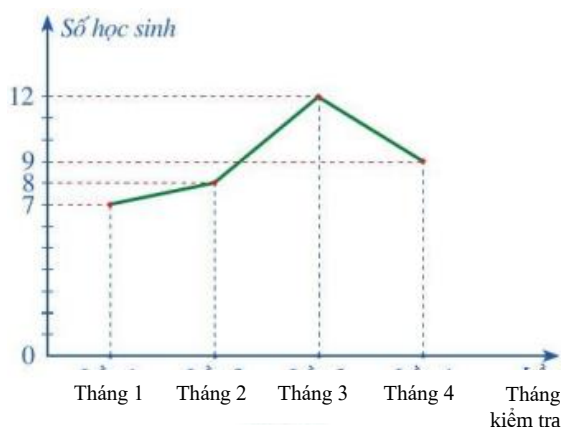
- A. 30% B. 45% C. 15% D. 50%



Câu 12:

Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn số học sinh lớp 7C đạt điểm tốt môn Toán trong bốn tháng. Hãy cho biết số học sinh đạt điểm tốt ở lần kiểm tra tháng 3.

- A. 7 B. 8 C. 9 D. 12



Phần 2. Tự luận (7,0 điểm):

Bài 1. (0,5 điểm) Tìm số đối của các số thực sau: 0 ; $\sqrt{144}$

Bài 2. (0,5 điểm) Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.”

Bài 3. (0,75 điểm) Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ:

a) $\left(\frac{7}{2}\right)^3 \cdot \left(\frac{7}{2}\right)^2$; b) $(-1,5)^4 : (-1,5)$; c) $\left[\left(-\frac{1}{2}\right)^5\right]^3$

Bài 4. (0,75 điểm) Dùng máy tính cầm tay để tính các căn bậc hai số học sau (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)

a) $\sqrt{5}$

b) $\sqrt{50}$

c) $\sqrt{2021}$

Bài 5. (1,0 điểm)

a) Tính: $\frac{-7}{4} \cdot \frac{2}{33} - \frac{7}{4} : \frac{33}{31}$;

b) Tìm x, biết: $\frac{5}{4} + \frac{2}{3}x = -\frac{1}{3}$

Bài 6. (0,5 điểm) Làm tròn số 9214235 với độ chính xác d = 500.

Bài 7. (0,75 điểm) Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong mỗi bảng thống kê sau:

Bảng 1.

Số con vật được nuôi tại trang trại B		
Loại con vật được nuôi	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Bò	173	48%
Lợn	144	40%
Gà	43	13%
Tổng	360	100%

Bảng 2.

Số cây được trồng trong nhà vườn C		
Loại cây được trồng	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Sầu riêng	50	15%
Mãng cầu	150	38%
Chôm chôm	200	50%
Tổng	400	103%

Bài 8. (0,5 điểm) Kết quả tìm hiểu về khả năng bơi của các bạn học sinh lớp 7C được cho bởi bảng thống kê sau:

Khả năng bơi	Chưa biết bơi	Biết bơi	Bơi giỏi
Số bạn nam	5	8	4

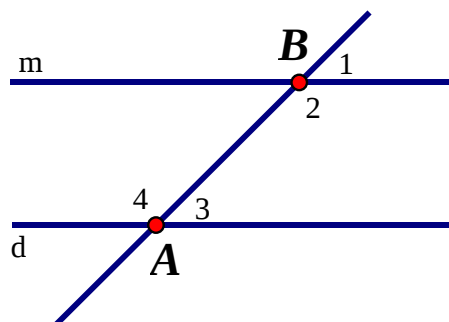
a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

b) Dữ liệu trên có đại diện được cho khả năng bơi lội của các bạn học sinh lớp 7C hay không?

Bài 9. (0,75 điểm)

Quan sát hình vẽ bên, biết $B_1 = 45^\circ$; $A_4 = 135^\circ$.

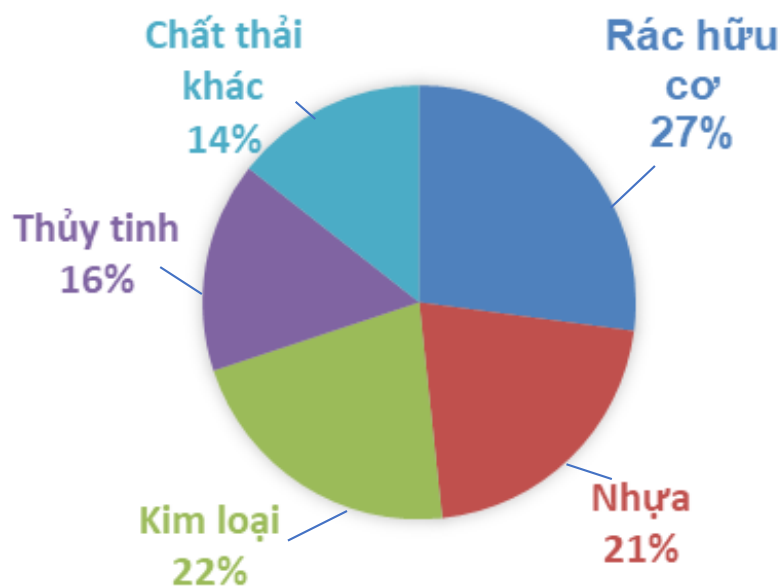
Giải thích vì sao $d \parallel m$.



Bài 10. (1,0 điểm)

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn thành phần chất thải rắn phát sinh tại các nhà hàng ở Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội vào năm 2021 (tính theo tỉ số phần trăm).

- a) Tính lượng chất thải nhựa và lượng chất thải rác hữu cơ thải ra môi trường của các nhà hàng ở phường Thượng Cát vào năm 2021. Biết rằng tổng lượng chất thải mà các nhà hàng này thải ra năm 2021 là 600 triệu tấn.
- b) Em hãy nêu hai biện pháp bảo vệ môi trường.



..... **Hết**